



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG SÀI GÒN (ĐK343)**

**SAI GON VERIFICATION CALIBRATION MEASUREMENT JOINT STOCK COMPANY**

Địa chỉ : 80/7/14/8 Đường số 9, Khu phố 5, phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Hotline : 0933 532 566 hoặc 0971 291 720 – Email : saigonscm@gmail.com – Hỗ trợ khách hàng : 0917 517 720



**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH**  
**CERTIFICATE OF VERIFICATION**

Số/ No : 00095

Tên phương tiện đo : **PHƯƠNG TIỆN THỬ ĐỘ BỀN NÉN/**  
*Object* **COMPRESSION TESTING INSTRUMENTS**

Kiểu : TYA – 2000 Số hiệu : 276  
*Type* *Serial N.<sup>o</sup>*

Nơi sản xuất : Trung Quốc/ Năm : N/A  
*Manufacturer* *China* *Year*

Đặc tính kỹ thuật đo lường : \* Phạm vi đo/ *Range* : (0 ÷ 1 000) kN; (1 000 ÷ 2 000) kN  
*Specification* \* Độ phân giải/ *Resolution* : 0,01 kN; 0,1 kN

Nơi sử dụng : **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG LIÊN HIỆP**  
*Place* 162 Bình Giã, Phường Tam Thẳng, Thành Phố Hồ Chí Minh

Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG LIÊN HIỆP**  
*User* 162 Bình Giã, Phường Tam Thẳng, Thành Phố Hồ Chí Minh

Phương pháp kiểm định: ĐLVN 336 : 2020  
*Method of Verification* Phương tiện thử độ bền kéo nén – Quy trình kiểm định

Chuẩn được sử dụng/ *Standards used* : TB.32 – Chuẩn lực / *Force standard*

TB.33 – Chuẩn lực / *Force standard*

Số tem kiểm định/ *Verification stamp No.* : 00095

Kết quả/ *Results* : Xem kết quả trang sau/ *Results see next page*

Ngày kiểm định đề nghị : 07 / 4 / 2027  
*Verification recommended*

TP.HCM, ngày 08 tháng 4 năm 2026  
*(Date of issue)*

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**  
*Head of Measurement Lab.*

**Tôn Nhất Vi**

**GIÁM ĐỐC**  
*Director*

**Nguyễn Hà Minh Huy**



**KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH**  
**(VERIFICATION RESULTS)**

Số tem kiểm định/ *Verification stamp No* : **00095**

Chế độ kiểm định/ *Mode of Verification* : Kiểm định định kỳ/ *Subsequent Verification*

Phương pháp kiểm định/ *Direction of Verification* : Nén / *Compression*

Điều kiện môi trường/ *Environmental Conditions* :  $(25 \pm 2) ^\circ\text{C}$ ;  $(60 \pm 10) \% \text{RH}$

<b>Giá trị chỉ thị/ <i>Indication value</i></b>	<b>Giá trị chuẩn/ <i>Reference value</i></b>	<b>Sai số tương đối/ <i>Relative Error</i></b>	<b>Độ tái lập tương đối/ <i>Relative repeatability</i></b>	<b>Độ phân giải tương đối/ <i>Relative resolution</i></b>
( kN )	( kN )	(%)	(%)	(%)
0,00	0,000	N/A	N/A	N/A
400,00	400,565	-0,14	0,04	0,003
800,00	801,710	-0,21	0,13	0,001
1200,0	1201,777	-0,15	0,08	0,001
1600,0	1601,703	-0,11	0,06	0,001
2000,0	1997,887	0,11	0,03	0,005

Độ lệch điểm "0" tương đối/ *Relative zero point deviation* : 0,00 %

Phương tiện thử độ bền nén đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường theo : ĐLVN 336 : 2020;  
Cấp Chính xác : 1/ *The Compression Testing Instrument complying with the metrological  
requirements; Accuracy class : 1*

Ngày thực hiện : 07 / 4 / 2026

(*Date of Verification*)

Người thực hiện

(*Verified by*)

  
**Nguyễn Đức Khôi**

**Ghi chú:**

1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2"



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG SÀI GÒN (JSC)**

**SAI GON VERIFICATION CALIBRATION MEASUREMENT JOINT STOCK COMPANY**

Địa chỉ : 80/7/14/8 Đường số 9, Khu phố 5, phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Hotline : 0933 532 566 hoặc 0971 291 720 – Email : saigonscm@gmail.com – Hỗ trợ khách hàng : 0917 517 729



**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH  
CERTIFICATE OF VERIFICATION**

Số/No : 00096

Tên phương tiện đo : **PHƯƠNG TIỆN THỬ ĐỘ BỀN NÉN/  
Object** **COMPRESSION TESTING INSTRUMENTS**

Kiểu : TYA – 100C Số hiệu : 035  
Type Serial N<sup>o</sup>

Nơi sản xuất : Trung Quốc/ Năm : N/A  
Manufacturer China Year

Đặc tính kỹ thuật đo lường : \* Phạm vi đo/ Range : (0 ÷ 100) kN  
Specification \* Độ phân giải/ Resolution : 0,001 kN

Nơi sử dụng : **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG LIÊN HIỆP**  
Place 162 Bình Giã, Phường Tam Thắng, Thành Phố Hồ Chí Minh

Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG LIÊN HIỆP**  
User 162 Bình Giã, Phường Tam Thắng, Thành Phố Hồ Chí Minh

Phương pháp kiểm định: DLVN 336 : 2020  
Method of Verification Phương tiện thử độ bền kéo nén – Quy trình kiểm định

Chuẩn được sử dụng/ Standards used : TB.30 – Chuẩn lực / Force standard

TB.33 – Chuẩn lực / Force standard

Số tem kiểm định/ Verification stamp No. : 00096

Kết quả/ Results : Xem kết quả trang sau/ Results see next page

Ngày kiểm định đề nghị : 07 / 4 / 2027  
Verification recommended

TP.HCM, ngày 08 tháng 4 năm 2026  
(Date of issue)

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**  
Head of Measurement Lab.

**Tôn Nhất Vi**

**GIÁM ĐỐC**  
Director



**Nguyễn Hà Minh Huy**



**KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH**  
**(VERIFICATION RESULTS)**

Số tem kiểm định/ *Verification stamp No* : **00096**

Chế độ kiểm định/ *Mode of Verification* : Kiểm định định kỳ/ *Subsequent Verification*

Hướng kiểm định/ *Direction of Verification* : Nén / *Compression*

Điều kiện môi trường/ *Environmental Conditions* :  $(25 \pm 2) ^\circ\text{C}$ ;  $(60 \pm 10) \% \text{RH}$

Giá trị chỉ thị/ <i>Indication value</i>	Giá trị chuẩn/ <i>Reference value</i>	Sai số tương đối/ <i>Relative Error</i>	Độ tái lập tương đối/ <i>Relative repeatability</i>	Độ phân giải tương đối/ <i>Relative resolution</i>
( kN )	( kN )	(%)	(%)	(%)
0,000	0,000	N/A	N/A	N/A
20,000	19,966	0,17	0,11	0,050
40,000	39,935	0,16	0,16	0,025
60,000	59,929	0,12	0,16	0,017
80,000	79,962	0,05	0,01	0,013
100,000	99,794	0,21	0,20	0,001

Độ lệch điểm "0" tương đối/ *Relative zero point deviation* : 0,00 %

Phương tiện thử độ bền nén đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường theo : ĐLVN 336 : 2020;

Cấp Chính xác : 1/ *The Tensile - compression Testing Instrument complying with the metrological requirements; Accuracy class : 1*

Ngày thực hiện : 07 / 4 / 2026

*(Date of Verification)*

Người thực hiện

*(Verified by)*

  
**Nguyễn Đức Khôi**

**Ghi chú:**

1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác"
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2"



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG SÀI GÒN (SA343)**

**SAI GON VERIFICATION CALIBRATION MEASUREMENT JOINT STOCK COMPANY**

Địa chỉ : 80/7/14/8 Đường số 9, Khu phố 5, phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Hotline : 0933 532 566 hoặc 0971 291 720 – Email : saigonscm@gmail.com – Hỗ trợ khách hàng : 0917 15 73 99



**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH**  
**CERTIFICATE OF VERIFICATION**

Số/ No : 00097

Tên phương tiện đo : **PHƯƠNG TIỆN THỬ ĐỘ BỀN KÉO NÉN/**  
*Object* **TENSILE - COMPRESSION TESTING INSTRUMENTS**

Kiểu : WE-1000B Số hiệu : 61116  
*Type* *Serial N.<sup>o</sup>*

Nơi sản xuất : Trung Quốc/ Năm : N/A  
*Manufacturer* *China* *Year*

Đặc tính kỹ thuật đo lường : \* Phạm vi đo/ *Range* : (0 ÷ 500) kN; (0 ÷ 1000) kN  
*Specification* \* Giá trị vạch chia / *Division* : 1 kN; 2 kN

Nơi sử dụng : **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG LIÊN HIỆP**  
*Place* 162 Bình Giã, Phường Tam Thẳng, Thành Phố Hồ Chí Minh

Đơn vị sử dụng: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG LIÊN HIỆP**  
*User* 162 Bình Giã, Phường Tam Thẳng, Thành Phố Hồ Chí Minh

Phương pháp kiểm định: ĐLVN 336 : 2020  
*Method of Verification* Phương tiện thử độ bền kéo nén – Quy trình kiểm định

Chuẩn được sử dụng/ *Standards used* : TB.32 – Chuẩn lực / *Force standard*

TB.33 – Chuẩn lực / *Force standard*

Số tem kiểm định/ *Verification stamp No.* : 00097

Kết quả/ *Results* : Xem kết quả trang sau/ *Results see next page*

Ngày kiểm định đề nghị : 07 / 4 / 2027  
*Verification recommended*

TP.HCM, ngày 08 tháng 4 năm 2026  
*(Date of issue)*

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**  
*Head of Measurement Lab.*

**Tôn Nhất Vi**

**GIÁM ĐỐC**  
*Director*



**Nguyễn Hà Minh Huy**



**KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH**  
**(VERIFICATION RESULTS)**

Số tem kiểm định/ *Verification stamp No* : **00097**

Chế độ kiểm định/ *Mode of Verification* : Kiểm định định kỳ/ *Subsequent Verification*

Phương pháp kiểm định/ *Direction of Verification* : Nén / *Compression*

Điều kiện môi trường/ *Environmental Conditions* :  $(25 \pm 2) ^\circ\text{C}$ ;  $(60 \pm 10) \% \text{RH}$

\* Phạm vi đo/ *Range* :  $(0 \div 200) \text{ kN}$ ; Không xác định/ *Undetermined*

\* Phạm vi đo/ *Range* :  $(0 \div 500) \text{ kN}$

Giá trị chỉ thị/ <i>Indication value</i>	Giá trị chuẩn/ <i>Reference value</i>	Sai số tương đối/ <i>Relative Error</i>	Độ tái lập tương đối/ <i>Relative repeatability</i>	Độ phân giải tương đối/ <i>Relative resolution</i>
( kN )	( kN )	(%)	(%)	(%)
0	0,000	N/A	N/A	N/A
100	100,363	-0,36	0,31	1,000
200	201,207	-0,60	0,67	0,500
300	301,830	-0,61	0,17	0,333
400	401,490	-0,37	0,10	0,250
500	501,990	-0,40	0,17	0,200

Độ lệch điểm "0" tương đối/ *Relative zero point deviation* : - 0,004 %

\* Phạm vi đo/ *Range* :  $(0 \div 1000) \text{ kN}$

0	0,000	N/A	N/A	N/A
200	198,570	0,72	0,12	1,000
400	398,427	0,39	0,10	0,500
600	597,837	0,36	0,09	0,333
800	795,753	0,53	0,12	0,250
1000	992,837	0,72	0,12	0,200

Độ lệch điểm "0" tương đối/ *Relative zero point deviation* : - 0,003 %

Phương tiện thử độ bền kéo nén đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường theo : ĐLVN 336 : 2020;  
Cấp Chính xác : 2/ *The Tensile - compression Testing Instrument complying with the metrological requirements; Accuracy class : 2*

Ngày thực hiện : 07 / 4 / 2026

(*Date of Verification*)

Người thực hiện

(*Verified by*)

**Phan Văn Chinh**

**Ghi chú:**

1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác"
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2"



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG SÀI GÒN (DK848)**

**SAI GON VERIFICATION CALIBRATION MEASUREMENT JOINT STOCK COMPANY**

Địa chỉ : 80/7/14/8 Đường số 9, Khu phố 5, phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Hotline : 0933 532 566 hoặc 0971 291 720 – Email : saigonscm@gmail.com – Hỗ trợ khách hàng : 091 751 129



**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH**  
*CERTIFICATE OF VERIFICATION*

Số/ No : SCM – 00098

Tên phương tiện đo :  
*Object*

**CÂN KỸ THUẬT/**  
*TECHNICAL BALANCE*

Kiểu : DJ – 3000TW  
*Type*

Số hiệu : 022030555  
*Serial N<sup>o</sup>*

Nơi sản xuất : Nhật Bản/  
*Manufacturer Japan*

Năm : N/A  
*Year*

**Đặc tính kỹ thuật đo lường/ Specification**

- \* Mức cân lớn nhất / *Max. capacity* : 3000 g \* Giá trị độ chia / *Division* : 0,01 g
- \* Mức cân nhỏ nhất / *Min. capacity* : 2 g \* Cấp chính xác / *Acuracy class* : II

Nơi sử dụng :  
*Place*

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG LIÊN HIỆP**  
162 Bình Giã, Phường Tam Thắng, Thành Phố Hồ Chí Minh

Đơn vị sử dụng:  
*User*

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG LIÊN HIỆP**  
162 Bình Giã, Phường Tam Thắng, Thành Phố Hồ Chí Minh

Phương pháp kiểm định:  
*Method of Verification*

ĐLVN 16 : 2021  
Cân phân tích và cân kỹ thuật – Quy trình kiểm định

Chuẩn được sử dụng/ *Standards used* :

Chuẩn khối lượng F1/ *Mass standards; class F1*

Số tem kiểm định/ *Verification stamp No.* : 00098

Kết quả/ *Results* :

Xem kết quả trang sau/ *Results see next page*

Ngày kiểm định đề nghị :  
*Verification recommended*

07 / 4 / 2027

TP.HCM, ngày 08 tháng 4 năm 2026  
*(Date of issue)*

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**  
*Head of Measurement Lab.*

**Tôn Nhất Vi**

**GIÁM ĐỐC**  
*Director*



**Nguyễn Hà Minh Huy**



**KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH**  
(VERIFICATION RESULTS)

Số tem kiểm định/ Verification stamp No : **00098**

Chế độ kiểm định/ Mode of Verification : Kiểm định định kỳ/ Subsequent Verification

Điều kiện môi trường/ Environmental Conditions :  $(20 \pm 2) ^\circ\text{C}$ ;  $(55 \pm 5) \% \text{RH}$

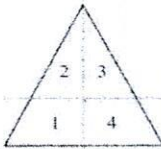
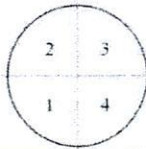
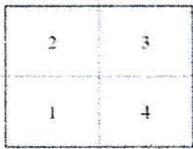
**1. Kiểm tra độ động: (g)**

Mức tải (g)	Chỉ thị I	0,1d	Chỉ thị I <sub>1</sub>	1,4d	Chỉ thị I <sub>2</sub>	I <sub>2</sub> - I <sub>1</sub> ≥ d
2	2,00	0,005	2,01	0,014	2,02	Đạt
3000	3000,01	0,005	3000,02	0,014	3000,04	Đạt

**2. Kiểm tra sai số điểm "0" : (g)**

L = 0	Mức tải L	Chỉ thị I	Đánh giá
L = Min	2,0	1,99	Đạt
E <sub>0</sub>	- 0,01		

**3. Kiểm tra độ lệch tâm: Tải L ≈ 1/3 Max = 2000 g**



**Bảng 4. Sai số cho phép lớn nhất (mpe)**

0	≤m1≤	500	± 0,05 g
500	<m2≤	2000	± 0,1 g
2000	<m3≤	3000	± 0,15 g

Vị trí	1	2	3	4
Chỉ thị I (g)	2000,01	2000,01	2000,01	2000,00
Sai số E (g)	0,01	0,01	0,01	0,00

Sai số hiệu chỉnh:  $E_c = E - E_0 \leq mpe = 0,1 \text{ g}$

Đánh giá

Đạt

**4. Kiểm tra độ lặp lại: L ≈ Max = 4000 g**

Lần cân	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	Lần 5	Lần 6
Chỉ thị I (g)	3000,01	3000,01	3000,01	3000,01	3000,01	3000,01
Sai số E (g)	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01

$|E_{\max} - E_{\min}| = 0,00 \text{ g} \leq mpe = 0,15 \text{ g}$

Đánh giá

Đạt

**5. Kiểm tra độ đúng: (g)**

Tải trọng (g)	Chỉ thị I	Sai số E	Sai số E <sub>c</sub>	Đánh giá
0	0,00	0,00	0,01	Đạt
500	500,01	0,01	0,02	Đạt
1500	1500,01	0,01	0,02	Đạt
2000	2000,01	0,01	0,02	Đạt
3000	3000,01	0,01	0,02	Đạt

- Cân kỹ thuật : Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường theo ĐLVN 16 : 2021

Ngày thực hiện : 07 / 4 / 2026

(Date of Verification)

Người thực hiện

(Verified by)

**Nguyễn Đức Khôi**

**Ghi chú:**

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2"



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG SÀI GÒN (PJO49)**

**SAI GON VERIFICATION CALIBRATION MEASUREMENT JOINT STOCK COMPANY**

Địa chỉ : 80/7/14/8 Đường số 9, Khu phố 5, phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Hotline : 0933 532 566 hoặc 0971 291 720 – Email : saigonscm@gmail.com – Hỗ trợ khách hàng



**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH  
CERTIFICATE OF VERIFICATION**

Số/ No : SCM – 00099

Tên phương tiện đo :

**CÂN KỸ THUẬT/**

Object

**TECHNICAL BALANCE**

Kiểu : DJ – 3000 TW

Số hiệu : 022320195

Type

Serial N.<sup>o</sup>

Nơi sản xuất : Nhật Bản/

Năm : N/A

Manufacturer Japan

Year

Đặc tính kỹ thuật đo lường/ Specification

\* Mức cân lớn nhất / Max. capacity : 3000 g \* Giá trị độ chia / Division : 0,01 g

\* Mức cân nhỏ nhất / Min. capacity : 2 g \* Cấp chính xác / Accuracy class : II

Nơi sử dụng :

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG LIÊN HIỆP**

Place

162 Bình Giã, Phường Tam Thắng, Thành Phố Hồ Chí Minh

Đơn vị sử dụng:

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG LIÊN HIỆP**

User

162 Bình Giã, Phường Tam Thắng, Thành Phố Hồ Chí Minh

Phương pháp kiểm định:

ĐLVN 16 : 2021

Method of Verification

Cân phân tích và cân kỹ thuật – Quy trình kiểm định

Chuẩn được sử dụng/ Standards used :

Chuẩn khối lượng F1/ Mass standards; class F1

Số tem kiểm định/ Verification stamp No. : 00099

Kết quả/ Results :

Xem kết quả trang sau/ Results see next page

Ngày kiểm định đề nghị :

07 / 4 / 2027

Verification recommended

TP.HCM, ngày 08 tháng 4 năm 2026

(Date of issue)

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

Head of Measurement Lab.

**GIÁM ĐỐC**

Director

**Tôn Nhất Vi**



**Nguyễn Hà Minh Huy**



**KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH  
(VERIFICATION RESULTS)**

Số tem kiểm định/ Verification stamp No : **00099**

- Chế độ kiểm định/ Mode of Verification : Kiểm định định kỳ/ Subsequent Verification

- Điều kiện môi trường/ Environmental Conditions :  $(20 \pm 2) ^\circ\text{C}$ ;  $(55 \pm 5) \% \text{RH}$

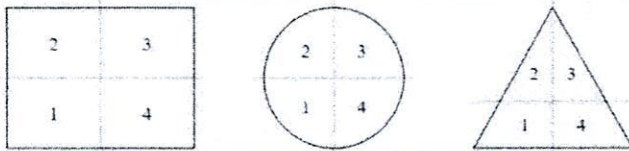
**1. Kiểm tra độ đồng: (g)**

Mức tải (g)	Chỉ thị I	0,1d	Chỉ thị I <sub>1</sub>	1,4d	Chỉ thị I <sub>2</sub>	I <sub>2</sub> - I <sub>1</sub> ≥ d
2	2,00	0,005	2,01	0,014	2,02	Đạt
3000	3000,01	0,005	3000,02	0,014	3000,04	Đạt

**2. Kiểm tra sai số điểm "0" : (g)**

L = 0	Mức tải L	Chỉ thị I	Đánh giá
L = Min	2,0	2,00	Đạt
E <sub>0</sub>	- 0,01		

**3. Kiểm tra độ lệch tâm: Tải L ≈ 1/3 Max = 2000 g**



**Bảng 4. Sai số cho phép lớn nhất (mpe)**

	<math>m_1</math>		
0	<math>\leq m_1 \leq</math>	500	$\pm 0,05 \text{ g}$
500	<math>\leq m_2 \leq</math>	2000	$\pm 0,1 \text{ g}$
2000	<math>\leq m_3 \leq</math>	3000	$\pm 0,15 \text{ g}$

Vị trí	1	2	3	4
Chỉ thị I (g)	2000,01	2000,01	2000,00	2000,00
Sai số E (g)	0,01	0,01	0,00	0,00
Sai số hiệu chỉnh: $E_c = E - E_0 \leq mpe = 0,1 \text{ g}$			Đánh giá	Đạt

**4. Kiểm tra độ lặp lại: L ≈ Max = 4000 g**

Lần cân	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	Lần 5	Lần 6
Chỉ thị I (g)	3000,00	3000,00	3000,01	3000,01	3000,01	3000,01
Sai số E (g)	0,00	0,00	0,01	0,01	0,01	0,01
$ E_{\max} - E_{\min}  = 0,01 \text{ g} \leq mpe = 0,15 \text{ g}$				Đánh giá	Đạt	

**5. Kiểm tra độ đúng: (g)**

Tải trọng (g)	Chỉ thị I	Sai số E	Sai số E <sub>c</sub>	Đánh giá
0	0,00	0,00	0,00	Đạt
500	499,99	-0,01	-0,01	Đạt
1500	1499,98	-0,02	-0,02	Đạt
2000	2000,00	0,00	0,00	Đạt
3000	2999,98	-0,02	-0,02	Đạt

- Cân kỹ thuật : Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường theo ĐLVN 16 : 2021

Ngày thực hiện : 07 / 4 / 2026

(Date of Verification)

Người thực hiện

(Verified by)

  
**Nguyễn Đức Khôi**

**Ghi chú:**

1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác"
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2"



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG SÀI GÒN (M.S.D.N. 0313444388-C.T.C.P)**  
**SAIGON VERIFICATION CALIBRATION MEASUREMENT JOINT STOCK COMPANY**

Địa chỉ : 80/7/14/8 Đường số 9, Khu phố 5, phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Hotline : 0933 532 566 hoặc 0971 291 720 – Email : saigonscm@gmail.com – Hỗ trợ khách hàng : 0917 517 729



**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH**  
**CERTIFICATE OF VERIFICATION**

Số/No : SCM – 00100

Tên phương tiện đo :  
Object

**CÂN KỸ THUẬT/**  
**TECHNICAL BALANCE**

Kiểu : DJ – 6000 TW  
Type

Số hiệu : 023244128  
Serial N.<sup>o</sup>

Nơi sản xuất : Nhật Bản/  
Manufacturer Japan

Năm : N/A  
Year

Đặc tính kỹ thuật đo lường/ Specification

\* Mức cân lớn nhất / Max. capacity : 6000 g \* Giá trị độ chia / Division : 0,01 g  
\* Mức cân nhỏ nhất / Min. capacity : 2 g \* Cấp chính xác / Accuracy class : II

Nơi sử dụng :  
Place

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG LIÊN HIỆP**  
162 Bình Giã, Phường Tam Thẳng, Thành Phố Hồ Chí Minh

Đơn vị sử dụng:  
User

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG LIÊN HIỆP**  
162 Bình Giã, Phường Tam Thẳng, Thành Phố Hồ Chí Minh

Phương pháp kiểm định:  
Method of Verification

ĐLVN 16 : 2021  
Cân phân tích và cân kỹ thuật – Quy trình kiểm định

Chuẩn được sử dụng/ Standards used :

Chuẩn khối lượng F1/ Mass standards; class F1

Số tem kiểm định/ Verification stamp No. : 00100

Kết quả/ Results :

Xem kết quả trang sau/ Results see next page

Ngày kiểm định đề nghị :  
Verification recommended

07 / 4 / 2027

TP.HCM, ngày 08 tháng 4 năm 2026  
(Date of issue)

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**  
Head of Measurement Lab.

**Tôn Nhất Vi**

**GIÁM ĐỐC**  
Director



**Nguyễn Hà Minh Huy**



**KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH  
(VERIFICATION RESULTS)**

Số tem kiểm định/ Verification stamp No : **000100**

- Chế độ kiểm định/ Mode of Verification : Kiểm định định kỳ/ Subsequent Verification

- Điều kiện môi trường/ Environmental Conditions :  $(20 \pm 2) ^\circ\text{C}$ ;  $(55 \pm 5) \% \text{RH}$

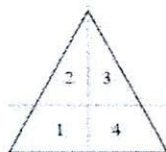
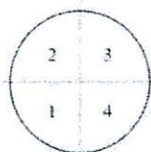
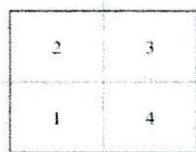
1. Kiểm tra độ động: (g)

Mức tải (g)	Chỉ thị I	0,1d	Chỉ thị I <sub>1</sub>	1,4d	Chỉ thị I <sub>2</sub>	I <sub>2</sub> - I <sub>1</sub> ≥ d
2	2,01	0,005	2,02	0,014	2,04	Đạt
6000	6000,00	0,005	6000,01	0,014	6000,02	Đạt

2. Kiểm tra sai số điểm "0" : (g)

L = 0	Mức tải L	Chỉ thị I	Đánh giá
L = Min	2,0	2,01	Đạt
E <sub>0</sub>	0,01		

3. Kiểm tra độ lệch tâm: Tải L ≈ 1/3 Max = 2000 g



Bảng 4. Sai số cho phép lớn nhất (mpe)

0	$\leq m1 \leq$	500	$\pm 0,05 \text{ g}$
500	$< m2 \leq$	2000	$\pm 0,1 \text{ g}$
2000	$< m3 \leq$	6000	$\pm 0,15 \text{ g}$

Vị trí	1	2	3	4
Chỉ thị I (g)	2000,01	2000,02	2000,02	2000,02
Sai số E (g)	0,01	0,02	0,02	0,02

Sai số hiệu chỉnh:  $E_c = E - E_0 \leq mpe = 0,1 \text{ g}$       Đánh giá      Đạt

4. Kiểm tra độ lặp lại: L ≈ Max = 3000 g

Lần cân	Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	Lần 5	Lần 6
Chỉ thị I (g)	3000,01	3000,01	3000,01	3000,01	3000,01	3000,01
Sai số E (g)	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01

$|E_{\max} - E_{\min}| = 0,00 \text{ g} \leq mpe = 0,15 \text{ g}$       Đánh giá      Đạt

5. Kiểm tra độ đúng: (g)

Tải trọng (g)	Chỉ thị I	Sai số E	Sai số E <sub>c</sub>	Đánh giá
0	0,00	0,00	-0,01	Đạt
1000	1000,01	0,01	0,00	Đạt
2000	2000,01	0,01	0,00	Đạt
4000	4000,02	0,02	0,01	Đạt
6000	6000,02	0,02	0,01	Đạt

- Cân kỹ thuật : Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường theo ĐLVN 16 : 2021

Ngày thực hiện : 07 / 4 / 2026

(Date of Verification)

Người thực hiện

(Verified by)

  
**Nguyễn Đức Khôi**

**Ghi chú:**

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác"
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2"

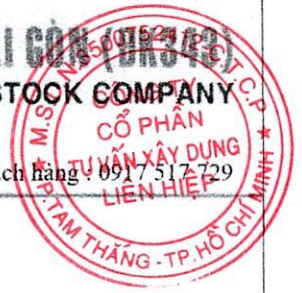


**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG SÀI GÒN (JRS43)**

**SAIGON VERIFICATION CALIBRATION MEASUREMENT JOINT STOCK COMPANY**

Địa chỉ : 80/7/14/8 Đường số 9, Khu phố 5, phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Hotline : 0933 532 566 hoặc 0971 291 720 – Email : saigonscm@gmail.com – Hỗ trợ khách hàng : 0917 517 729



**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH**  
**CERTIFICATE OF VERIFICATION**

Số/No : SCM – 00101

Tên phương tiện đo :

**CÂN ĐĨA/**

*Object*

**BENCH WEIGHT SCALES**

Kiểu : R21PE30

Số hiệu : 8336470523

*Type*

*Serial N<sup>o</sup>*

Nơi sản xuất : N/A

Năm : N/A

*Manufacturer*

*Year*

Đặc tính kỹ thuật đo lường/ *Specification*

\* Mức cân lớn nhất / *Max. capacity* : 30 kg

\* Giá trị độ chia / *Division* : 1 g

\* Mức cân nhỏ nhất / *Min. capacity* : 100 g

\* Cấp chính xác / *Acuracy class* : III

Nơi sử dụng :

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG LIÊN HIỆP**

*Place*

162 Bình Giã, Phường Tam Thắng, Thành Phố Hồ Chí Minh

Đơn vị sử dụng :

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG LIÊN HIỆP**

*User*

162 Bình Giã, Phường Tam Thắng, Thành Phố Hồ Chí Minh

Phương pháp kiểm định *Method of Verification* : DLVN 15 : 2009

Cân đĩa – Quy trình kiểm định

Chuẩn được sử dụng/ *Standards used* :

Chuẩn khối lượng F1; M1

*Mass standards; class F1; M1*

Số tem kiểm định/ *Verification stamp No.* :

00101

Kết quả/ *Results* :

Xem kết quả trang sau/ *Results see next page*

Ngày kiểm định đề nghị :

07 / 4 / 2027

*Verification recommended*

TP.HCM, ngày 08 tháng 4 năm 2026

(Date of issue)

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

*Head of Measurement Lab.*

**Tôn Nhất Vi**

**GIÁM ĐỐC**

*Director*



**Nguyễn Hà Minh Huy**



**KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH  
(VERIFICATION RESULTS)**

**Số tem kiểm định/ Verification stamp No : 00101**

- Chế độ kiểm định/ Mode of Verification : Kiểm định định kỳ/ Subsequent Verification

- Điều kiện môi trường/ Environmental Conditions :  $(20 \pm 2) ^\circ\text{C}$ ;  $(55 \pm 5) \% \text{RH}$

1. Kiểm tra sai số điểm "0" : (g)

L = 0	Mức tải	Chỉ thị I	$\Delta L_0$	$E_0$	mpe	Đánh giá
L = Min	100	100	0,5	0,0	2,5	Đạt

2. Kiểm tra độ động: (g)

L = 0	Mức tải	Chỉ thị I <sub>1</sub>	0,1d	1,4d	Chỉ thị I <sub>2</sub>	I <sub>2</sub> - I <sub>1</sub>	Đánh giá
Mức min	100	100	0,5	1,4	102	2,0	Đạt
1/2 Max	15000	15000	0,5	1,4	15002	2,0	Đạt
Max	30000	30000	0,5	1,4	30002	2,0	Đạt

4. Kiểm tra độ lặp lại: (g)

Mức kiểm : L $\approx$ 1/2 Max = 20000 g				Tải L $\approx$ Max = 30000 g			
TT	Chỉ thị I	$\Delta L$	P	TT	Chỉ thị I	$\Delta L$	P
1	20000	0,5	20001	1	30000	0,5	30001
2	20000	0,5	20001	2	30000	0,5	30001
3	20000	0,5	20001	3	29999	1,0	30000
$\Delta P \text{ max} =$	1,0	$\Delta P_{cf} \text{ (mpe)} =$	7,5	$\Delta P \text{ max} =$	1,0	$\Delta P_{cf} \text{ (mpe)} =$	7,5
Đánh giá				Đạt			

3. Kiểm tra độ lệch tâm: Tải L  $\approx$  1/3 Max = 10000 g

	Bảng 4. Sai số cho phép lớn nhất (mpe)					
	0	$\leq m1 \leq$	2500	$\pm 2,5 \text{ g}$		
	2500	$< m2 \leq$	10000	$\pm 5 \text{ g}$		
	10000	$< m3 \leq$	30000	$\pm 7,5 \text{ g}$		
Vị trí	G	1	2	3	4	
Chỉ thị I (g)	10000	10000	10000	10000	10000	
Thêm $\Delta L$	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	
Sai số E (g)	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0	
$\Delta \text{Max} =$	2,0	$\Delta_{ef} =$	5,0	Đánh giá		Đạt

5. Kiểm tra độ đúng: (g)

Tải trọng	Chỉ thị I		Thêm $\Delta L$		Sai số E		Sai số E <sub>c</sub>		Đánh giá
	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng	
0	0	0	0	0	2,5	2,5	2,5	2,5	Đạt
3000	3000	3000	0,5	0,5	2,0	2,0	2,0	2,0	Đạt
10000	10000	10000	0,5	0,5	2,0	2,0	2,0	2,0	Đạt
20000	20000	20000	0,5	0,5	2,0	2,0	2,0	2,0	Đạt
30000	30000	30000	0,5	0,5	2,0	2,0	2,0	2,0	Đạt

- Cân đĩa : Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường theo ĐLVN 15 : 2009

Ngày thực hiện/ Date of Verification : 07 / 4 / 2026

Người thực hiện

(Verified by)

**Phan Văn Chinh**

**Ghi chú:**

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2"



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN ĐO LƯỜNG SÀI GÒN (UK343)**

**SAI GON VERIFICATION CALIBRATION MEASUREMENT JOINT STOCK COMPANY**

Địa chỉ : 80/7/14/8 Đường số 9, Khu phố 5, phường Hiệp Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Hotline : 0933 532 566 hoặc 0971 291 720 – Email : saigonscm@gmail.com – Hỗ trợ khách hàng : 0911 517 729



**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH  
CERTIFICATE OF VERIFICATION**

Số/ No : SCM – 00102

Tên phương tiện đo :

**CÂN ĐĨA/**

*Object*

**BENCH WEIGHT SCALES**

Kiểu : N/A

Số hiệu : N/A

*Type*

*Serial N.<sup>o</sup>*

Nơi sản xuất : EXCELL

Năm : N/A

*Manufacturer*

*Year*

Đặc tính kỹ thuật đo lường/ *Specification*

\* Mức cân lớn nhất / *Max. capacity* : 30 kg

\* Giá trị độ chia / *Division* : 1 g

\* Mức cân nhỏ nhất / *Min. capacity* : 100 g

\* Cấp chính xác / *Accuracy class* : III

Nơi sử dụng :

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG LIÊN HIỆP**

*Place*

162 Bình Giã, Phường Tam Thẳng, Thành Phố Hồ Chí Minh

Đơn vị sử dụng :

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG LIÊN HIỆP**

*User*

162 Bình Giã, Phường Tam Thẳng, Thành Phố Hồ Chí Minh

Phương pháp kiểm định *Method of Verification* : ĐLVN 15 : 2009

Cân đĩa – Quy trình kiểm định

Chuẩn được sử dụng/ *Standards used* :

Chuẩn khối lượng F1; M1

*Mass standards; class F1; M1*

Số tem kiểm định/ *Verification stamp No.* : 000102

Kết quả/ *Results* :

Xem kết quả trang sau/ *Results see next page*

Ngày kiểm định đề nghị :

07 / 4 / 2027

*Verification recommended*

TP.HCM, ngày 08 tháng 4 năm 2026

*(Date of issue)*

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

*Head of Measurement Lab.*

**Tôn Nhất Vi**

**GIÁM ĐỐC**

*Director*



**Nguyễn Hà Minh Huy**



**KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH**  
(VERIFICATION RESULTS)

Số tem kiểm định/ Verification stamp No : **00102**

- Chế độ kiểm định/ Mode of Verification : Kiểm định định kỳ/ Subsequent Verification

- Điều kiện môi trường/ Environmental Conditions : (20 ± 2) °C; (55 ± 5) % RH

**1. Kiểm tra sai số điểm "0" : (g)**

L = 0	Mức tải	Chỉ thị I	$\Delta L_0$	E <sub>0</sub>	mpe	Đánh giá
L = Min	100	100	0,5	0,0	2,5	Đạt

**2. Kiểm tra độ đồng: (g)**

L = 0	Mức tải	Chỉ thị I <sub>1</sub>	0,1d	1,4d	Chỉ thị I <sub>2</sub>	I <sub>2</sub> - I <sub>1</sub>	Đánh giá
Mức min	100	100	0,5	1,4	102	2,0	Đạt
1/2 Max	15000	15000	0,5	1,4	15002	2,0	Đạt
Max	30000	29999	0,5	1,4	30001	1,0	Đạt

**4. Kiểm tra độ lặp lại: (g)**

Mức kiểm : L ≈ 1/2 Max = 20000 g				Tải L ≈ Max = 30000 g			
TT	Chỉ thị I	$\Delta L$	P	TT	Chỉ thị I	$\Delta L$	P
1	20000	0,5	20001	1	30000	0,5	30001
2	20000	0,5	20001	2	30000	0,5	30001
3	20000	0,5	20001	3	29999	1,0	30000
$\Delta P$ max =	1,0	$\Delta P_{cf}$ (mpe) =	5,0	$\Delta P$ max =	1,0	$\Delta P_{cf}$ (mpe) =	7,5
Đánh giá				Đạt			

**3. Kiểm tra độ lệch tâm: Tải L ≈ 1/3 Max = 10000 g**

	Bảng 4. Sai số cho phép lớn nhất (mpe)				
	0	$\leq m_1 \leq$	2500	$\pm 2,5$ g	
	2500	$< m_2 \leq$	10000	$\pm 5$ g	
	10000	$< m_3 \leq$	30000	$\pm 7,5$ g	
Vị trí	G	1	2	3	4
Chỉ thị I (g)	10000	10000	10000	10000	10000
Thêm $\Delta L$	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5
Sai số E (g)	2,0	2,0	2,0	2,0	2,0
$\Delta Max =$	2,0	$\Delta cf =$	5,0	Đánh giá	Đạt

**5. Kiểm tra độ đúng: (g)**

Tải trọng	Chỉ thị I		Thêm $\Delta L$		Sai số E		Sai số E <sub>c</sub>		Đánh giá
	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	Tăng	
0	0	0	0	0	2,5	2,5	2,5	2,5	Đạt
3000	3000	3000	0,5	0,5	2,0	2,0	2,0	2,0	Đạt
10000	10000	10000	0,5	0,5	2,0	2,0	2,0	2,0	Đạt
20000	20000	20000	0,5	0,5	2,0	2,0	2,0	2,0	Đạt
30000	29999	29999	0,5	0,5	1,0	1,0	1,0	1,0	Đạt

- Cân đĩa : Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường theo ĐLVN 15 : 2009

Ngày thực hiện/ Date of Verification : 07 / 4 / 2026

Người thực hiện

(Verified by)

**Phan Văn Chinh**

**Ghi chú:**

- Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác"
- Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2"

**STEST**

® CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN MIỀN NAM (ĐK 513)

SOUTH VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (STEST)

56/11 Tân Thới Nhất 1B, KP. 5, P. Tân Thới Nhất, Q. 12, TP. Hồ Chí Minh

Mail: dichvukhoahoc.stest@gmail.com

Hotline : 0905.76.42.36 - 0905.55.77.38 Web: stest.vn



**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
(CALIBRATION CERTIFICATE)**

Số/No : ST-1130

Tên đối tượng : **THIẾT BỊ THỬ CƯỜNG ĐỘ BÊ TÔNG BẰNG PHƯƠNG PHÁP BẬT NẢY**  
Object **CONCRETE STRENGTH TEST INSTRUMENT WITH REBOUND METHOD**

Nơi sản xuất : Matest

Manufacturer

Kiểu : N/A

Số hiệu :

2H0131

Mã thiết bị :

N/A

Type

Serial No.

ID

Đặc trưng kỹ thuật :

\* Phạm vi đo/ Measuring range : (10 ÷ 100) R

Specifications

\* Giá trị vạch chia/ Division : 2 R

Cơ sở sử dụng :

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG LIÊN HIỆP**

Customer

Số 162 Bình Giã, Phường Tam Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :

Số 162 Bình Giã, Phường Tam Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh

Place of calibration

Phương pháp thực hiện/ Method of calibration : ĐLVN 150 : 2004

Chuẩn được sử dụng/ Standards used :

Mã TB/ ID	Miêu tả/ Description	Liên kết chuẩn/ Traceable	Hiệu lực/ Due. Date
TB-11	Chuẩn độ cứng/ Hardness standard	Matest	/

Môi trường hiệu chuẩn/ Calibration environment : [25 ± 5] °C

Hiệu chỉnh/ Adjustment :

Không/ No

Kết quả/ Results :

Trang/ Page : 2/2

Số tem hiệu chuẩn/ Calibration stamp No.:

ST-1130

Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration :

07 / 4 / 2026

Ngày hiệu chuẩn đề nghị :

07 / 4 / 2027

Recalibration recommended

TP.HCM, ngày 08 tháng 4 năm 2026

Date of issue

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

Head of Measurement Laboratory

**GIÁM ĐỐC**
**Phạm Tấn Liêu****Lê Thị Phương Nhung**Trang : 1/2  
N.º of page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Hiệu Chuẩn Miền Nam.

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Stest)

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN  
(CALIBRATION RESULTS)

Số/No : ST-1130



Giá trị chuẩn/ Reference value	Giá trị đọc trung bình trên phương tiện đo/ Average reading value on measuring equipments	Sai số/ Error	Độ KĐBĐ mở rộng/ Expanded uncertainty (k = 2; P = 95%)
(R)	(R)	(R)	(R)
81	80	-1	3,1

STEST

1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

Trang : 2/2  
N<sup>o</sup> of page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Hiệu Chuẩn Miền Nam.  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Stest)

**STEST**

® CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN MIỀN NAM (DK 513)

SOUTH VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (STEST)

56/11 Tân Thới Nhất 1B, KP. 5, P. Tân Thới Nhất, Q. 12, TP. Hồ Chí Minh

Mail: dichvukhoahoc.stest@gmail.com Hotline : 0905.76.42.36 - 0905.55.38 Web: stest.vn



**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
(CALIBRATION CERTIFICATE)**

Số/ No : ST-1131

Tên đối tượng : **PHƯƠNG TIỆN ĐO ĐIỆN TRỞ TIẾP ĐẤT/  
Object EARTH RESISTANCE TESTER**

Nơi sản xuất : **KYORITSU  
Manufacturer**

Kiểu : 4105A      Số hiệu : E8000977      Mã thiết bị : N/A  
Type      Serial No.      ID

Đặc trưng kỹ thuật : \* Phạm vi đo/ Range : (0 ÷ 20) Ω; (0 ÷ 200) Ω; (0 ÷ 2 000) Ω  
Specifications \* Độ phân giải/ Resolution : 0,01 Ω; 0,1 Ω; 1 Ω  
\* Độ chính xác/ Accuracy : ± 2% rdg ± 0,1 Ω; ± 2% rdg ± 3dgt

Cơ sở sử dụng : **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG LIÊN HIỆP  
Customer Số 162 Bình Giã, Phường Tam Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh**

Nơi hiệu chuẩn : **Số 162 Bình Giã, Phường Tam Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh  
Place of calibration**

Phương pháp thực hiện/ Method of calibration : QTHC/STEST-D.01

Chuẩn được sử dụng/ Standards used :

Mã TB/ ID	Miêu tả/ Description	Liên kết chuẩn/ Traceable	Hiệu lực/ Due. Date
TB-10	Điện trở chuẩn/ Standard resistor	Quatest 3	01/2027

Môi trường hiệu chuẩn/ Calibration environment : [23 ± 5] °C [50 ± 20] %RH

Hiệu chỉnh/ Adjustment : Không/ No

Kết quả/ Results : Trang/ Page : 2/2

Số tem hiệu chuẩn/ Calibration stamp No.: ST-1131

Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration : 07 / 4 / 2026

Ngày hiệu chuẩn đề nghị : 07 / 4 / 2027

Recalibration recommended

TP.HCM, ngày 08 tháng 4 năm 2026

Date of issue

**GIÁM ĐỐC**

Director

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

Head of Measurement Laboratory

*bu*

**Phạm Tấn Liêu**



*uh*  
**Lê Thị Phương Nhung**

Trang : 1/2  
N.<sup>o</sup> of page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Hiệu Chuẩn Miền Nam.  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Stest)

**KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN  
(CALIBRATION RESULTS)**

Số/ No : ST-1131



Thang đo/ Range	Giá trị trên phương tiện chuẩn/ Value on references	Giá trị đọc trung bình trên phương tiện đo/ Average reading value on measuring equipments	Sai số/ Error	Độ KĐBĐ mở rộng/ Expanded uncertainty (k=2; P=95%)
( $\Omega$ )	( $\Omega$ )	( $\Omega$ )	( $\Omega$ )	( $\Omega$ )
20	2,58	2,23	-0,35	0,03
	5,57	5,23	-0,34	0,03
	10,54	10,16	-0,38	0,03
	15,58	15,14	-0,44	0,03
200	50,5	50,4	-0,1	0,3
	100,3	100,5	0,2	0,3
	149,6	149,6	0,0	0,4
2000	499	496	-3	4
	1000	1001	1	3
	1492	1498	6	3

**Ghi chú/ Notes :**

Giá trị điện trở hiệu chuẩn được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng.

*The calibration value of resistance is performed according to the customer's requirement*

**STEST**

1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

Trang : 2/2  
N.<sup>o</sup> of page

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Hiệu Chuẩn Miền Nam.**

*(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Stest)*

**STEST**

® CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN MIỀN NAM (ĐK 513)

SOUTH VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (STEST)

56/11 Tân Thới Nhất 1B, KP. 5, P. Tân Thới Nhất, Q. 12, TP. Hồ Chí Minh

Mail: dichvukhoahoc.stest@gmail.com Hotline : 0905.76.42.36 - 0905.55.77.38 Web: stest.vn



**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
(CALIBRATION CERTIFICATE)**

Số/No : ST-1132

**MÁY NÉN KHÔNG NỖ HÔNG/  
CONSOLIDATION APPARATUS**

Tên đối tượng :

Object

Nơi sản xuất : Trung Quốc/ China

Manufacturer

Kiểu : WG

Type

Số hiệu :

Serial No.

30 06 8

Mã thiết bị :

ID

N/A

Đặc trưng kỹ thuật :

Specifications

\* Phạm vi đo/ Measuring range : (0 ÷ 2 400) N

\* Độ phân giải/ Resolution : 0,1 N

Cơ sở sử dụng :

Customer

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG LIÊN HIỆP**

Số 162 Bình Giã, Phường Tam Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :

Place of Calibration

Số 162 Bình Giã, Phường Tam Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện/ Method of calibration : ĐLVN 108 : 2002

Chuẩn được sử dụng/ Standards used :

Mã TB/ ID	Miêu tả/ Description	Liên kết chuẩn/ Traceable	Hiệu lực/ Due. Date
TB-47	Chuẩn lực/ Force standard	VMI	01/2027

Môi trường hiệu chuẩn/ Calibration environment : [28 ± 2] °C

Hiệu chỉnh/ Adjustment :

Không/ No

Kết quả/ Results :

Trang/ Page : 2/2

Số tem hiệu chuẩn/ Calibration stamp No. :

ST-1132

Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration :

07 / 4 / 2026

Ngày hiệu chuẩn đề nghị :

07 / 4 / 2027

Recalibration date recommended

TP.HCM, ngày 08 tháng 4 năm 2026

Date of issue

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

Head of Measurement Laboratory

**GIÁM ĐỐC**

Director



*bu*

**Phạm Tấn Liêu**

*nh*

**Lê Thị Phương Nhung**

Trang : 1/2  
N.<sup>o</sup> of page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Hiệu Chuẩn Miền Nam.  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Stest)

**KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN  
(CALIBRATION RESULTS)**

Số/ No : ST-1132



Áp suất danh nghĩa Nominal pressures (kPa)	Lực nén qui đổi Equivalent compressive force (N)	Giá trị trung bình trên phương tiện chuẩn/ Average value on references (N)	Sai số Error (%)	Độ KĐBĐ mở rộng/ Expanded uncertainty (k = 2; P = 95%) (%)
Đòn số/ Beam N <sup>o</sup> : 1				
0	0	0,00	-	-
12,5	37,5	36,73	2,10	1,3
25,0	75,0	74,31	0,93	1,2
50,0	150,0	148,34	1,12	1,1
100,0	300,0	297,43	0,87	1,1
200,0	600,0	596,34	0,61	1,1
300,0	900,0	895,17	0,54	1,1
400,0	1200,0	1195,17	0,40	1,1
800,0	2400,0	2394,67	0,22	1,1
Đòn số/ Beam N <sup>o</sup> : 2				
0	0	0,00	-	-
12,5	37,5	36,59	2,48	1,1
25,0	75	74,18	1,11	1,0
50,0	150	148,15	1,25	0,9
100,0	300	296,93	1,04	0,9
200,0	600	596,04	0,66	0,9
300,0	900	895,17	0,54	0,9
400,0	1200	1195,37	0,39	0,9
800,0	2400	2394,44	0,23	0,9
Đòn số/ Beam N <sup>o</sup> : 3				
0	0	0,00	-	-
12,5	37,5	37,16	0,92	2,2
25,0	75	74,24	1,03	1,8
50,0	150	148,64	0,91	1,8
100,0	300	297,62	0,80	1,8
200,0	600	596,68	0,56	1,8
300,0	900	895,47	0,51	1,8
400,0	1200	1194,58	0,45	1,8
800,0	2400	2394,54	0,23	1,8

1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

Trang : 2/2  
N<sup>o</sup> of page

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Hiệu Chuẩn Miền Nam.**

*(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Stest)*

**STEST****CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN MIỀN NAM (ĐK 513)****SOUTH VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (STEST)**

56/11 Tân Thới Nhất 1B, KP. 5, P. Tân Thới Nhất, Q. 12, TP. Hồ Chí Minh

Mail: dichvukhoahoc.stest@gmail.com

Hotline : 0905.76.42.36 - 0905.55.77.38 Web: stest.vn

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
(CALIBRATION CERTIFICATE)**

Số/No : ST-1133

**LÒ NUNG/  
FURNACE**

Tên đối tượng :

Object

Nơi sản xuất : Trung Quốc/ China

Manufacturer

Kiểu : SX2-4-10A

Type

Số hiệu :

Serial No.

240327

Mã thiết bị :

ID

N/A

Đặc trưng kỹ thuật :

Specifications

\* Phạm vi nhiệt độ tối đa/ Maximum temperature range : 1 000 °C

\* Độ phân giải/ Resolution : 1 °C

Cơ sở sử dụng :

Customer

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG LIÊN HIỆP**

Số 162 Bình Giã, Phường Tam Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :

Place of Calibration

Số 162 Bình Giã, Phường Tam Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện/ Method of calibration : QTHC/STEST-NĐ.03

Chuẩn được sử dụng/ Standards used :

Mã TB/ ID	Miêu tả/ Description	Liên kết chuẩn/ Traceable	Hiệu lực/ Due. Date
TB-06	Chuẩn nhiệt độ/ Temperature standard	Quatest 3	02/2027

Môi trường hiệu chuẩn/ Calibration environment : [25 ± 5] °C [50 ± 20] %RH

Hiệu chỉnh/ Adjustment :

Không/ No

Kết quả/ Results :

Trang/ Page : 2/2

Số tem hiệu chuẩn/ Calibration stamp No. :

ST-1133

Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration :

07 / 4 / 2026

Ngày hiệu chuẩn đề nghị :

07 / 4 / 2027

Recalibration date recommended

TP.HCM, ngày 08 tháng 4 năm 2026

Date of issue

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

Head of Measurement Laboratory

**GIÁM ĐỐC**

Director

**Phạm Tấn Liêu****Lê Thị Phương Nhung**Trang : 1/2  
N<sup>o</sup> of page**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Hiệu Chuẩn Miền Nam.**

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Stest)



**KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN  
(CALIBRATION RESULTS)**

Số/No : ST-1133

Giá trị trung bình trên phương tiện đo <i>Average value on measuring equipments</i>	Giá trị trung bình trên phương tiện chuẩn/ <i>Average value on references</i>	Số hiệu chính/ <i>Correction</i>	Độ ổn định/ <i>Stability</i>	Độ đồng đều/ <i>Uniformity</i>	Độ KĐBĐ mở rộng/ <i>Expanded uncertainty</i> (k = 2; P = 95%)
(°C)	(°C)	(°C)	(°C)	(°C)	(°C)
400	412,2	12,2	7,9	7,0	12,4
600	609,5	9,5	3,2	2,7	5,0

**Ghi chú/ Notes :**

Điểm nhiệt độ hiệu chuẩn được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng.

*The calibration point of temperature is performed according to the customer's requirement.*

**STEST**

1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

Trang : 2/2  
N<sup>o</sup> of page

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Hiệu Chuẩn Miền Nam.**

*(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Stest)*

**STEST**

® **CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN MIỀN NAM (ĐK 513)**

**SOUTH VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (STEST)**

56/11 Tân Thới Nhất 1B, KP. 5, P. Tân Thới Nhất, Q. 12, TP. Hồ Chí Minh

Mail: dichvukhoahoc.stest@gmail.com

Hotline : 0905.76.42.36 - 0905.55.38.38

Web: stest.vn



**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
(CALIBRATION CERTIFICATE)**

Số/No : ST-1134

Tên đối tượng :

**ÁP KÊ MÁY THỬ THẨM/**

Object

**PRESSURE GAUGE OF PERMEABILITY APPARATUS**

Nơi sản xuất : Trung Quốc/ China

Manufacturer

Kiểu : HS-4

Số hiệu :

8539241

Mã thiết bị :

N/A

Type

Serial No.

ID

Đặc trưng kỹ thuật :

\* Phạm vi đo/ Measuring range : (0 ÷ 4) MPa

Specifications

\* Giá trị vạch chia/ Division : 0,05 MPa

\* Độ chính xác/ Accuracy : ± 1,6 %FS

Cơ sở sử dụng :

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG LIÊN HIỆP**

Customer

Số 162 Bình Giã, Phường Tam Thẳng, Thành phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :

Số 162 Bình Giã, Phường Tam Thẳng, Thành phố Hồ Chí Minh

Place of calibration

Phương pháp thực hiện/ Method of calibration : ĐLVN 76 : 2001

Chuẩn được sử dụng/ Standards used :

Mã TB/ ID	Miêu tả/ Description	Liên kết chuẩn/ Traceable	Hiệu lực/ Due. Date
TB-87	Chuẩn áp suất/ Pressure standard	Quatest 3	12/2026

Môi trường hiệu chuẩn/ Calibration environment : [20 ± 5] °C [60 ± 20] %RH

Hiệu chỉnh/ Adjustment :

Không/ No

Kết quả/ Results :

Trang/ Page : 2/2

Số tem hiệu chuẩn/ Calibration stamp No.:

ST-1134

Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration :

07 / 4 / 2026

Ngày hiệu chuẩn đề nghị :

07 / 4 / 2027

Recalibration recommended

TP.HCM, ngày 08 tháng 4 năm 2026

Date of issue

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

Head of Measurement Laboratory

**GIÁM ĐỐC**

Director

**Phạm Tấn Liêu**

**Lê Thị Phương Nhung**

Trang : 1/2  
N<sup>o</sup> of page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Hiệu Chuẩn Miền Nam.

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Stest)



**KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN  
(CALIBRATION RESULTS)**

Số/No : ST-1134

Giá trị đọc trên phương tiện đo/ <i>Reading value on measuring equipments</i> (MPa)	Giá trị đọc trên phương tiện chuẩn/ <i>Reading value on references</i> (MPa)		Độ KĐBĐ mở rộng/ <i>Expanded uncertainty</i> (k = 2,145; P = 95%)  (MPa)
	Tăng <i>P<sub>t</sub> (rising)</i>	Giảm <i>P<sub>g</sub> (falling)</i>	
0,00	0,000	0,000	0,05
0,50	0,487	0,492	
1,00	0,949	0,956	
1,50	1,464	1,473	
2,00	1,973	1,983	
2,50	2,459	2,465	
3,00	2,978	2,984	
4,00	3,968	3,973	

Phương trình hiệu chuẩn/ *Calibration equation* :  $P_{th} = - 0,0170 + 0,9975 P_d$

**Ghi chú/ Notes :**

+  $P_{th}$  : giá trị tính toán/ *Calculated value*, (MPa)

+  $P_d$  : giá trị đọc trên phương tiện đo/ *Reading value on measuring equipments*, (MPa)

STEST

1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

Trang : 2/2  
N.<sup>o</sup> of page

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Hiệu Chuẩn Miền Nam.**  
*(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Stest)*

**STEST****CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN MIỀN NAM (ĐK 513)****SOUTH VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (STEST)**

56/11 Tân Thới Nhất 1B, KP. 5, P. Tân Thới Nhất, Q. 12, TP. Hồ Chí Minh

Mail: dichvukhoahoc.stest@gmail.com

Hotline : 0905.76.42.36 - 0905.53.77.38

Web: stest.vn



**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
(CALIBRATION CERTIFICATE)**

Số/No : ST-1135

Tên đối tượng : **MÁY XÁC ĐỊNH ĐỘ MÀI MÒN BỀ MẶT/  
Object SURFACES ABRASION TESTING MACHINE**

Nơi sản xuất : Việt Nam

Manufacturer

Kiểu : **KD** Số hiệu : **72611** Mã thiết bị : **N/A**  
Type Serial No. ID

Đặc trưng kỹ thuật : \* Phạm vi đo/ Measuring range : 300 rpm  
Specifications \* Độ phân giải/ Resolution : 1 rpm

Cơ sở sử dụng : **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG LIÊN HIỆP**  
Customer Số 162 Bình Giã, Phường Tam Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn : **Số 162 Bình Giã, Phường Tam Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh**  
Place of calibration

Phương pháp thực hiện/ Method of calibration : QTHC/STEST-TS.01

Chuẩn được sử dụng/ Standards used :

Mã TB/ ID	Miêu tả/ Description	Liên kết chuẩn/ Traceable	Hiệu lực/ Due. Date
TB-49	Chuẩn tần số/ Frequency standard	Quatest 3	12/2026

Môi trường hiệu chuẩn/ Calibration environment : [25 ± 5] °C [40 ÷ 70] %RH

Hiệu chỉnh/ Adjustment : Không/ No

Kết quả/ Results : Trang/ Page : 2/2

Số tem hiệu chuẩn/ Calibration stamp No. : ST-1135

Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration : 07 / 4 / 2026

Ngày hiệu chuẩn đề nghị : 07 / 4 / 2027

Recalibration recommended

TP.HCM, ngày 08 tháng 4 năm 2026

Date of issue

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**  
Head of Measurement Laboratory

**GIÁM ĐỐC**  
Director

**Phạm Tấn Liêu**
**Lê Thị Phương Nhung**Trang : 1/2  
N.º of page

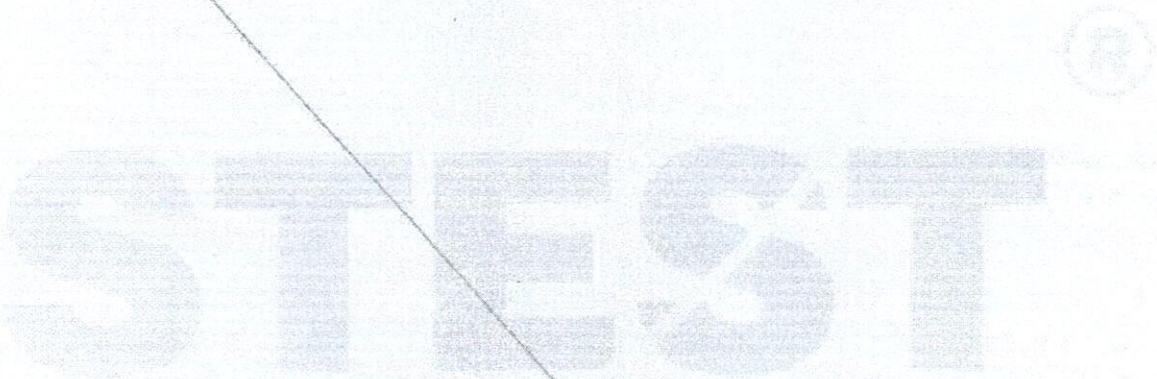
Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Hiệu Chuẩn Miền Nam.  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Stest)

**KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN  
(CALIBRATION RESULTS)**

Số/No : ST-1135



Giá trị đặt/ Set value (rpm)	Giá trị đọc trung bình trên phương tiện đo/ Average reading value on measuring equipments (rpm)	Giá trị đọc trung bình trên phương tiện chuẩn/ Average reading value on references (rpm)	Sai số/ Error (rpm)	Độ KDBĐ mở rộng/ Expanded uncertainty (k = 2; P = 95%) (rpm)
300	300	301,70	-2	0,80



1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

Trang : 2/2  
N<sup>o</sup> of page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Hiệu Chuẩn Miền Nam.  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Stest)

**STEST**

® CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN MIỀN NAM (ĐK 513)

SOUTH VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (STEST)

56/11 Tân Thới Nhất 1B, KP. 5, P. Tân Thới Nhất, Q. 12, TP. Hồ Chí Minh

Mail: dichvukhoahoc.stest@gmail.com

Hotline : 0905.76.42.36 - 0905.55.77.98

Web: stest.vn

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
(CALIBRATION CERTIFICATE)**

Số/ No : ST-1136

**ĐỒNG HỒ SO/  
DIAL INDICATOR**

Tên đối tượng :

Object

Nơi sản xuất : Trung Quốc/ China

Manufacturer

Kiểu : N/A

Type

Số hiệu : 51215567

Serial No.

Mã thiết bị :

ID

N/A

Đặc trưng kỹ thuật :

Specifications

\* Phạm vi đo/ Measuring range : (0 ÷ 10) mm

\* Giá trị vạch chia/ Division : 0,01 mm

Cơ sở sử dụng :

Customer

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG LIÊN HIỆP**

Số 162 Bình Giã, Phường Tam Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :

Place of calibration

Số 162 Bình Giã, Phường Tam Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện/ Method of calibration : QTHC/STEST-ĐD.01

Chuẩn được sử dụng/ Standards used :

Mã TB/ ID	Miêu tả/ Description	Liên kết chuẩn/ Traceable	Hiệu lực/ Due. Date
TB-05	Chuẩn độ dài/ Length standard	Quatest 3	12/2026

Môi trường hiệu chuẩn/ Calibration environment : [23 ± 5] °C [50 ± 20] % RH

Hiệu chỉnh/ Adjustment :

Không/ No

Kết quả/ Results :

Trang/ Page : 2/2

Số tem hiệu chuẩn/ Calibration stamp No.:

ST-1136

Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration :

07 / 4 / 2026

Ngày hiệu chuẩn đề nghị :

07 / 4 / 2027

Recalibration recommended

TP.HCM, ngày 08 tháng 4 năm 2026

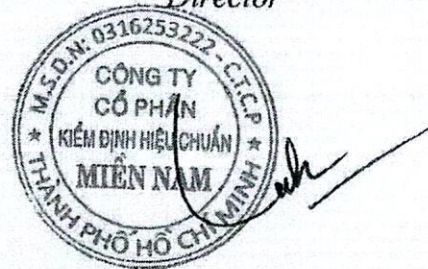
Date of issue

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

Head of Measurement Laboratory

**GIÁM ĐỐC**

Director

**Phạm Tấn Liêu****Lê Thị Phương Nhung**Trang : 1/2  
N.º of page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Hiệu Chuẩn Miền Nam.

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Stest)

**KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN  
(CALIBRATION RESULTS)**

Số/No : ST-1136



STT Item	Giá trị đọc trên phương tiện đo/ Reading value on measuring equipment (mm)	Giá trị đọc trung bình trên phương tiện chuẩn/ Average reading value on references (mm)	Sai số/ Error ( $\mu\text{m}$ )	Độ KĐBĐ mở rộng/ Expanded uncertainty ( $k = 2; P = 95\%$ ) ( $\mu\text{m}$ )
1	1,00	0,995	5	7,1
2	2,00	1,993	7	7,1
3	3,00	2,994	6	7,1
4	4,00	3,994	6	7,5
5	5,00	4,995	5	7,4
6	6,00	5,994	6	7,2
7	7,00	6,994	6	7,3
8	8,00	7,994	6	7,1
9	9,00	8,993	7	7,1
10	10,00	9,995	5	7,6

STEST

1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

Trang : 2/2  
N<sup>o</sup> of page

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Hiệu Chuẩn Miền Nam.**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Stest)

**STEST**

® CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN MIỀN NAM (ĐK 513)

SOUTH VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (STEST)

56/11 Tân Thới Nhất 1B, KP. 5, P. Tân Thới Nhất, Q. 12, TP. Hồ Chí Minh

Mail: dichvukhoahoc.stest@gmail.com

Hotline : 0905.76.42.36 - 0905.55.77.38

Web: stest.vn

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
(CALIBRATION CERTIFICATE)**

Số/No : ST-1137

**ĐỒNG HỒ SO/  
DIAL INDICATOR**

Tên đối tượng :

Object

Nơi sản xuất : Trung Quốc/ China

Manufacturer

Kiểu : N/A

Type

Số hiệu : 80419331

Serial No.

Mã thiết bị :

ID

N/A

Đặc trưng kỹ thuật :

Specifications

\* Phạm vi đo/ Measuring range : (0 ÷ 20) mm

\* Giá trị vạch chia/ Division : 0,01 mm

Cơ sở sử dụng :

Customer

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG LIÊN HIỆP**

Số 162 Bình Giã, Phường Tam Thẳng, Thành phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :

Place of calibration

Số 162 Bình Giã, Phường Tam Thẳng, Thành phố Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện/ Method of calibration : QTHC/STEST-ĐD.01

Chuẩn được sử dụng/ Standards used :

Mã TB/ ID	Miêu tả/ Description	Liên kết chuẩn/ Traceable	Hiệu lực/ Due. Date
TB-05	Chuẩn độ dài/ Length standard	Quatest 3	12/2026

Môi trường hiệu chuẩn/ Calibration environment : [23 ± 5] °C [50 ± 20] % RH

Hiệu chỉnh/ Adjustment :

Không/ No

Kết quả/ Results :

Trang/ Page : 2/2

Số tem hiệu chuẩn/ Calibration stamp No.:

ST-1137

Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration :

07 / 4 / 2026

Ngày hiệu chuẩn đề nghị :

07 / 4 / 2027

Recalibration recommended

TP.HCM, ngày 08 tháng 4 năm 2026

Date of issue

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

Head of Measurement Laboratory

**GIÁM ĐỐC**

Director

**Phạm Tấn Liêu****Lê Thị Phương Nhung**Trang : 1/2  
N.º of page**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Hiệu Chuẩn Miền Nam.**

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Stest)



**KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN  
(CALIBRATION RESULTS)**

Số/No : ST-1137

STT Item	Giá trị đọc trên phương tiện đo/ Reading value on measuring equipment (mm)	Giá trị đọc trung bình trên phương tiện chuẩn/ Average reading value on references (mm)	Sai số/ Error ( $\mu\text{m}$ )	Độ KĐBĐ mở rộng/ Expanded uncertainty ( $k = 2; P = 95\%$ ) ( $\mu\text{m}$ )
1	2,00	1,993	7	7,2
2	4,00	3,994	6	7,1
3	6,00	5,993	7	7,3
4	8,00	7,993	7	7,2
5	10,00	9,990	10	7,2
6	12,00	11,991	9	7,2
7	14,00	13,988	12	7,4
8	16,00	15,989	11	7,2
9	18,00	17,989	11	7,5
10	20,00	19,989	11	7,7

STEST

1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

Trang : 2/2  
N<sup>o</sup> of page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Hiệu Chuẩn Miền Nam.  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Stest)

**STEST**

® CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN MIỀN NAM (ĐK 513)

SOUTH VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (STEST)

56/11 Tân Thới Nhất 1B, KP. 5, P. Tân Thới Nhất, Q. 12, TP. Hồ Chí Minh

Mail: dichvukhoahoc.stest@gmail.com

Hotline : 0905.76.42.36 - 0905.55.77.38 Web: stest.vn



**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
(CALIBRATION CERTIFICATE)**

Số/No : ST-1138

Tên đối tượng :

**VÒNG LỰC MÁY CẮT PHẪNG/**

Object

**PROVING RING OF SHEAR TESTING MACHINE**

Nơi sản xuất : Trung Quốc/ China

Manufacturer

Kiểu : N/A

Số hiệu : A2380

Mã thiết bị : N/A

Type

Serial No.

ID

Đặc trưng kỹ thuật :

\*Phạm vi đo tối đa/ Maximum range : 1,3 kN

Specifications

\*Bộ chỉ thị/ Indicator : + Phạm vi đo/ Measuring range : 5 mm

+ Giá trị vạch chia/ Division : 0,01 mm

+ Số hiệu/ Serial No. : 516365

Cơ sở sử dụng :

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG LIÊN HIỆP**

Customer

Số 162 Bình Giã, Phường Tam Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :

Số 162 Bình Giã, Phường Tam Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh

Place of Calibration

Phương pháp thực hiện/ Method of calibration : ĐLVN 108 : 2002

Chuẩn được sử dụng/ Standards used :

Mã TB/ ID	Miêu tả/ Description	Liên kết chuẩn/ Traceable	Hiệu lực/ Due. Date
TB-47	Chuẩn lực/ Force standard	VMI	01/2027

Môi trường hiệu chuẩn/ Calibration environment : [28 ± 2] °C

Hiệu chỉnh/ Adjustment : Không/ No

Kết quả/ Results : Trang/ Page : 2/2

Số tem hiệu chuẩn/ Calibration stamp No. : ST-1138

Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration : 07 / 4 / 2026

Ngày hiệu chuẩn đề nghị : 07 / 4 / 2027

Recalibration date recommended

TP.HCM, ngày 08 tháng 4 năm 2026

Date of issue

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

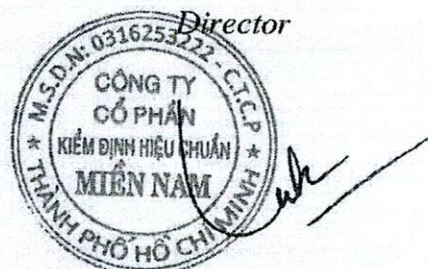
Head of Measurement Laboratory

**GIÁM ĐỐC**

Director

*bee*

**Phạm Tấn Liêu**



**Lê Thị Phương Nhung**

Trang : 1/2  
N.º of page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Hiệu Chuẩn Miền Nam.

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Stest)

**KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN  
(CALIBRATION RESULTS)**

Số/No : ST-1138



Chế độ hiệu chuẩn/ <i>Mode of calibration</i> : <input checked="" type="checkbox"/> Nén/ <i>Compression</i> Giá trị trên phương tiện đo/ <i>Value on measuring equipments</i> (Vạch/ 0,01 mm)	Giá trị trung bình trên phương tiện chuẩn/ <i>Average value on references</i> (N)	Kéo/ <i>Tension</i> Độ KĐBĐ mở rộng/ <i>Expanded uncertainty</i> (k = 2; P = 95%) (%)
0	0,00	-
25	135,06	0,5
50	278,62	0,5
75	424,39	0,7
100	557,31	0,5
125	706,18	0,5
150	841,75	0,5
175	982,82	0,5
200	1114,21	0,7
225	1286,48	0,7

Phương trình hiệu chuẩn/ *Calibration equation* :  $y = 5,6348x$

**Ghi chú/ Notes :**

- + y : giá trị tính toán/ *Calculated value*, (N)
- + x : giá trị trên phương tiện đo/ *Value on measuring equipments*, (Vạch/ 0,01 mm)
- + Giá trị hiệu chuẩn được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng.  
*The calibration value is performed according to the customer's requirement.*

1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

**Trang : 2/2**      **Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Hiệu Chuẩn Miền Nam.**  
*N.<sup>o</sup> of page*      *(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Stest)*

**STEST**

© CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN MIỀN NAM (ĐK 513)

SOUTH VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (STEST)

56/11 Tân Thới Nhất 1B, KP. 5, P. Tân Thới Nhất, Q. 12, TP. Hồ Chí Minh

Mail: dichvukhoahoc.stest@gmail.com Hotline : 0905.76.42.36 - 0905.55.77.38

Web: stest.vn  
CỔ PHẦN  
TƯ VẤN XÂY DỰNG  
LIÊN HIỆP**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
(CALIBRATION CERTIFICATE)**

Số/No : ST-1139

Tên đối tượng :

**ĐỒNG HỒ SO/**

Object

**DIAL INDICATOR**

Nơi sản xuất : Trung Quốc/ China

Manufacturer

Kiểu : N/A

Số hiệu : 516365

Mã thiết bị : N/A

Type

Serial No.

ID

Đặc trưng kỹ thuật :

\* Phạm vi đo/ Measuring range : (0 ÷ 5) mm

Specifications

\* Giá trị vạch chia/ Division : 0,01 mm

Cơ sở sử dụng :

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG LIÊN HIỆP**

Customer

Số 162 Bình Giã, Phường Tam Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :

Số 162 Bình Giã, Phường Tam Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh

Place of calibration

Phương pháp thực hiện/ Method of calibration : QTHC/STEST-ĐD.01

Chuẩn được sử dụng/ Standards used :

Mã TB/ ID	Miêu tả/ Description	Liên kết chuẩn/ Traceable	Hiệu lực/ Due. Date
TB-05	Chuẩn độ dài/ Length standard	Quatest 3	12/2026

Môi trường hiệu chuẩn/ Calibration environment : [23 ± 5] °C [50 ± 20] % RH

Hiệu chỉnh/ Adjustment :

Không/ No

Kết quả/ Results :

Trang/ Page : 2/2

Số tem hiệu chuẩn/ Calibration stamp No.:

ST-1139

Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration :

07 / 4 / 2026

Ngày hiệu chuẩn đề nghị :

07 / 4 / 2027

Recalibration recommended

TP.HCM, ngày 08 tháng 4 năm 2026

Date of issue

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

Head of Measurement Laboratory

**GIÁM ĐỐC**

Director

**Phạm Tấn Liêu****Lê Thị Phương Nhung**Trang : 1/2  
N.<sup>o</sup> of page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Hiệu Chuẩn Miền Nam.

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Stest)



## KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN (CALIBRATION RESULTS)

Số/No : ST-1139

STT Item	Giá trị đọc trên phương tiện đo/ Reading value on measuring equipment (mm)	Giá trị đọc trung bình trên phương tiện chuẩn/ Average reading value on references (mm)	Sai số/ Error ( $\mu\text{m}$ )	Độ KĐBĐ mở rộng/ Expanded uncertainty ( $k = 2; P = 95\%$ ) ( $\mu\text{m}$ )
1	0,50	0,498	2	7,2
2	1,00	1,004	-4	7,1
3	1,50	1,505	-5	7,4
4	2,00	2,004	-4	7,1
5	2,50	2,506	-6	7,3
6	3,00	3,003	-3	7,1
7	3,50	3,497	3	7,1
8	4,00	4,000	0	7,3
9	4,50	4,494	6	7,2
10	5,00	4,996	4	7,2

STEST

1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

Trang : 2/2  
N.<sup>o</sup> of page

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Hiệu Chuẩn Miền Nam.**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Stest)

**STEST**

® CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN MIỀN NAM (ĐK 513)

SOUTH VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (STEST)

56/11 Tân Thới Nhất 1B, KP. 5, P. Tân Thới Nhất, Q. 12, TP. Hồ Chí Minh

Mail: dichvukhoahoc.stest@gmail.com Hotline : 0905.76.42.36 - 0905.55.72.88



**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
(CALIBRATION CERTIFICATE)**

Số/No : ST-1140

Tên đối tượng :

**VÒNG LỰC MÁY CBR/**

Object

**PROVING RING OF CBR TESTING MACHINE**

Nơi sản xuất : Trung Quốc/ China

Manufacturer

Kiểu : N/A

Số hiệu :

E0862

Mã thiết bị :

N/A

Type

Serial No.

ID

Đặc trưng kỹ thuật :

\*Phạm vi đo tối đa/ Maximum range : 50 kN

Specifications

\*Bộ chỉ thị/ Indicator : + Phạm vi đo/ Measuring range : 10 mm

+ Giá trị vạch chia/ Division : 0,01 mm

+ Số hiệu/ Serial No. : 4126207

Cơ sở sử dụng :

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG LIÊN HIỆP**

Customer

Số 162 Bình Giã, Phường Tam Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :

Số 162 Bình Giã, Phường Tam Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh

Place of Calibration

Phương pháp thực hiện/ Method of calibration : ĐLVN 108 : 2002

Chuẩn được sử dụng/ Standards used :

Mã TB/ ID	Miêu tả/ Description	Liên kết chuẩn/ Traceable	Hiệu lực/ Due. Date
TB-81	Chuẩn lực/ Force standard	VMI	06/2026

Môi trường hiệu chuẩn/ Calibration environment :  $[28 \pm 2] ^\circ\text{C}$

Hiệu chỉnh/ Adjustment :

Không/ No

Kết quả/ Results :

Trang/ Page : 2/2

Số tem hiệu chuẩn/ Calibration stamp No. :

ST-1140

Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration :

07 / 4 / 2026

Ngày hiệu chuẩn đề nghị :

07 / 4 / 2027

Recalibration date recommended

TP.HCM, ngày 08 tháng 4 năm 2026

Date of issue

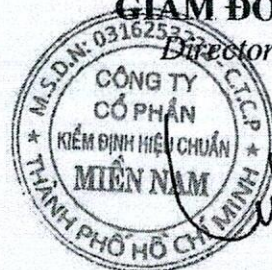
**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

Head of Measurement Laboratory

**GIÁM ĐỐC**

Director

*ba*



**Phạm Tấn Liêu**

**Lê Thị Phương Nhung**

Trang : 1/2  
N<sup>o</sup> of page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Hiệu Chuẩn Miền Nam.

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Stest)

**KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN  
(CALIBRATION RESULTS)**

Số/No : ST-1140



Chế độ hiệu chuẩn/ Mode of calibration : <input checked="" type="checkbox"/> Nén/ Compression	Kéo/ Tension	
Giá trị trên phương tiện đo/ Value on measuring equipments (Vạch/ 0,01 mm)	Độ KĐBĐ mở rộng/ Expanded uncertainty (k = 2; P = 95%)  (%)	
Giá trị trung bình trên phương tiện chuẩn/ Average value on references (kN)		
0	0,000	-
25	5,336	1,9
50	10,958	1,2
75	16,462	1,2
100	21,867	1,1
125	27,546	1,3
150	32,559	1,1
175	38,606	1,2
200	43,496	1,2
225	48,681	1,3

Phương trình hiệu chuẩn/ Calibration equation :  $y = 0,218x$

**Ghi chú/ Notes :**

- + y : giá trị tính toán/ Calculated value, (kN)
- + x : giá trị trên phương tiện đo/ Value on measuring equipments, (Vạch/ 0,01 mm)
- + Giá trị hiệu chuẩn được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng.  
The calibration value is performed according to the customer's requirement.

1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

**Trang : 2/2**  
N.<sup>o</sup> of page

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Hiệu Chuẩn Miền Nam.**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Stest)



® CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN MIỀN NAM (ĐK 513)

SOUTH VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (STEST)

56/11 Tân Thới Nhất 1B, KP. 5, P. Tân Thới Nhất, Q. 12, TP. Hồ Chí Minh

Mail: dichvukhoahoc.stest@gmail.com Hotline : 0905.76.42.36 - 0905.55.77.38 Web: stest.vn

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
(CALIBRATION CERTIFICATE)

Số/No : ST-1141

**ĐỒNG HỒ SO/  
DIAL INDICATOR**

Tên đối tượng :

Object

Nơi sản xuất : Trung Quốc/ China

Manufacturer

Kiểu : N/A

Type

Số hiệu :

Serial No.

4126207

Mã thiết bị :

ID

N/A

Đặc trưng kỹ thuật :

Specifications

\* Phạm vi đo/ Measuring range : (0 ÷ 10) mm

\* Giá trị vạch chia/ Division : 0,01 mm

Cơ sở sử dụng :

Customer

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG LIÊN HIỆP**

Số 162 Bình Giã, Phường Tam Thẳng, Thành phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :

Place of calibration

Số 162 Bình Giã, Phường Tam Thẳng, Thành phố Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện/ Method of calibration : QTHC/STEST-ĐD.01

Chuẩn được sử dụng/ Standards used :

Mã TB/ ID	Miêu tả/ Description	Liên kết chuẩn/ Traceable	Hiệu lực/ Due. Date
TB-05	Chuẩn độ dài/ Length standard	Quatest 3	12/2026

Môi trường hiệu chuẩn/ Calibration environment :

[23 ± 5] °C [50 ± 20] % RH

Hiệu chỉnh/ Adjustment :

Không/ No

Kết quả/ Results :

Trang/ Page : 2/2

Số tem hiệu chuẩn/ Calibration stamp No.:

ST-1141

Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration :

07 / 4 / 2026

Ngày hiệu chuẩn đề nghị :

07 / 4 / 2027

Recalibration recommended

TP.HCM, ngày 08 tháng 4 năm 2026

Date of issue

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

Head of Measurement Laboratory

**GIÁM ĐỐC**

Director

**Phạm Tấn Liêu**



**Lê Thị Phương Nhung**

Trang : 1/2  
N.º of page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Hiệu Chuẩn Miền Nam.

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Stest)

**KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN  
(CALIBRATION RESULTS)**

Số/ No : ST-1141



STT Item	Giá trị đọc trên phương tiện đo/ Reading value on measuring equipment (mm)	Giá trị đọc trung bình trên phương tiện chuẩn/ Average reading value on references (mm)	Sai số/ Error ( $\mu\text{m}$ )	Độ KĐBĐ mở rộng/ Expanded uncertainty ( $k = 2; P = 95\%$ ) ( $\mu\text{m}$ )
1	1,00	0,994	6	7,1
2	2,00	1,990	10	7,4
3	3,00	2,996	4	7,3
4	4,00	3,996	4	7,7
5	5,00	4,995	5	7,4
6	6,00	5,991	9	7,4
7	7,00	6,991	9	7,5
8	8,00	7,992	8	7,5
9	9,00	8,991	9	7,4
10	10,00	9,998	2	7,1

**STEST**

1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

Trang : 2/2  
N.<sup>o</sup> of page

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Hiệu Chuẩn Miền Nam.**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Stest)

**STEST**

© CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN MIỀN NAM (STEST) (0075213) T.C.P

SOUTH VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (STEST)

56/11 Tân Thới Nhất 1B, KP. 5, P. Tân Thới Nhất, Q. 12, TP. Hồ Chí Minh

Mail: dichvukhoahoc.stest@gmail.com Hotline : 0905.76.42.36 - 0905.55.77.38

Web: stest.vn

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
(CALIBRATION CERTIFICATE)**

Số/No : ST-1142

Tên đối tượng :

**VÒNG LỰC MÁY MARSHALL/**

Object

**PROVING RING OF MARSHALL TESTING MACHINE**

Nơi sản xuất : Trung Quốc/ China

Manufacturer

Kiểu : N/A

Số hiệu :

A0882

Mã thiết bị :

N/A

Type

Serial No.

ID

Đặc trưng kỹ thuật :

\*Phạm vi đo tối đa/ Maximum range : 30 kN

Specifications

\*Bộ chỉ thị/ Indicator : + Phạm vi đo/ Measuring range : 5 mm

+ Giá trị vạch chia/ Division : 0,01 mm

+ Số hiệu/ Serial No. : 585425

Cơ sở sử dụng :

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG LIÊN HIỆP**

Customer

Số 162 Bình Giã, Phường Tam Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :

Số 162 Bình Giã, Phường Tam Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh

Place of Calibration

Phương pháp thực hiện/ Method of calibration : ĐLVN 108 : 2002

Chuẩn được sử dụng/ Standards used :

Mã TB/ ID	Miêu tả/ Description	Liên kết chuẩn/ Traceable	Hiệu lực/ Due. Date
TB-81	Chuẩn lực/ Force standard	VMI	06/2026

Môi trường hiệu chuẩn/ Calibration environment : [28 ± 2] °C

Hiệu chỉnh/ Adjustment :

Không/ No

Kết quả/ Results :

Trang/ Page : 2/2

Số tem hiệu chuẩn/ Calibration stamp No. :

ST-1142

Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration :

07 / 4 / 2026

Ngày hiệu chuẩn đề nghị :

07 / 4 / 2027

Recalibration date recommended

TP.HCM, ngày 08 tháng 4 năm 2026

Date of issue

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

Head of Measurement Laboratory

**GIÁM ĐỐC**

Director

*ai*

**Phạm Tấn Liêu**



**Lê Thị Phương Nhung**

Trang : 1/2  
N<sup>o</sup> of page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Hiệu Chuẩn Miền Nam.

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Stest)

**KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN  
(CALIBRATION RESULTS)**

Số/ No : ST-1142



**Chế độ hiệu chuẩn/ Mode of calibration :**  **Nén/ Compression** **Kéo/ Tension**

<b>Giá trị trên phương tiện đo/ Value on measuring equipments (Vạch/ 0,01 mm)</b>	<b>Giá trị trung bình trên phương tiện chuẩn/ Average value on references (kN)</b>	<b>Độ KDBĐ mở rộng/ Expanded uncertainty (k = 2; P = 95%) (%)</b>
0	0,000	-
25	3,272	2,6
50	6,336	1,7
75	9,428	1,7
100	12,363	1,7
125	15,301	1,8
150	18,492	1,7
175	21,870	1,6
200	25,157	1,7
225	28,207	1,6

**Phương trình hiệu chuẩn/ Calibration equation :**  $y = 0,1248x$

**Ghi chú/ Notes :**

- + y : giá trị tính toán/ Calculated value, (kN)
- + x : giá trị trên phương tiện đo/ Value on measuring equipments, (Vạch/ 0,01 mm)
- + Giá trị hiệu chuẩn được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng.  
*The calibration value is performed according to the customer's requirement.*

1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

**Trang : 2/2** **Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Hiệu Chuẩn Miền Nam.**  
*(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Stest)*

**STEST**

® CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN MIỀN NAM (ĐK 513)

SOUTH VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (STEST)

56/11 Tân Thới Nhất 1B, KP. 5, P. Tân Thới Nhất, Q. 12, TP. Hồ Chí Minh

Mail: dichvukhoahoc.stest@gmail.com

Hotline : 0905.76.42.36 - 0905.55.77.38

Web: stest.vn

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
(CALIBRATION CERTIFICATE)**

Số/ No : ST-1143

**ĐỒNG HỒ SO/  
DIAL INDICATOR**

Tên đối tượng :

Object

Nơi sản xuất : Trung Quốc/ China

Manufacturer

Kiểu : N/A

Type

Số hiệu : 585425

Serial No.

Mã thiết bị : N/A

ID

Đặc trưng kỹ thuật :

Specifications

\* Phạm vi đo/ Measuring range : (0 ÷ 5) mm

\* Giá trị vạch chia/ Division : 0,01 mm

Cơ sở sử dụng :

Customer

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG LIÊN HIỆP**

Số 162 Bình Giã, Phường Tam Thẳng, Thành phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :

Place of calibration

Số 162 Bình Giã, Phường Tam Thẳng, Thành phố Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện/ Method of calibration : QTHC/STEST-ĐD.01

Chuẩn được sử dụng/ Standards used :

Mã TB/ ID	Miêu tả/ Description	Liên kết chuẩn/ Traceable	Hiệu lực/ Due. Date
TB-05	Chuẩn độ dài/ Length standard	Quatest 3	12/2026

Môi trường hiệu chuẩn/ Calibration environment : [23 ± 5] °C [50 ± 20] % RH

Hiệu chỉnh/ Adjustment :

Không/ No

Kết quả/ Results :

Trang/ Page : 2/2

Số tem hiệu chuẩn/ Calibration stamp No.:

ST-1143

Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration :

07 / 4 / 2026

Ngày hiệu chuẩn đề nghị :

07 / 4 / 2027

Recalibration recommended

TP.HCM, ngày 08 tháng 4 năm 2026

Date of issue

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

Head of Measurement Laboratory

**GIÁM ĐỐC**

Director

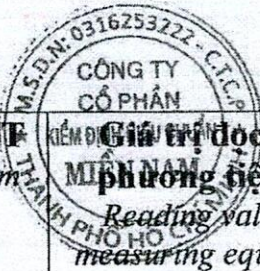
**Phạm Tấn Liêu****Lê Thị Phương Nhung**Trang : 1/2  
N.º of page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Hiệu Chuẩn Miền Nam.

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Stest)

**KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN  
(CALIBRATION RESULTS)**

Số/No : ST-1143



STT Item	Giá trị đọc trên phương tiện đo/ Reading value on measuring equipment (mm)	Giá trị đọc trung bình trên phương tiện chuẩn/ Average reading value on references (mm)	Sai số/ Error ( $\mu\text{m}$ )	Độ KĐBĐ mở rộng/ Expanded uncertainty ( $k = 2; P = 95\%$ ) ( $\mu\text{m}$ )
1	0,50	0,493	7	7,6
2	1,00	1,005	-5	7,1
3	1,50	1,507	-7	7,8
4	2,00	2,005	-5	7,1
5	2,50	2,507	-7	7,2
6	3,00	3,007	-7	7,5
7	3,50	3,495	5	7,3
8	4,00	3,997	3	7,8
9	4,50	4,492	8	7,1
10	5,00	4,993	7	7,1

**STEST**

1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

Trang : 2/2  
N.<sup>o</sup> of page

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Hiệu Chuẩn Miền Nam.**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Stest)

**STEST**

® CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN MIỀN NAM (ĐK 513)

SOUTH VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (STEST)

56/11 Tân Thới Nhất 1B, KP. 5, P. Tân Thới Nhất, Q. 12, TP. Hồ Chí Minh

Mail: dichvukhoahoc.stest@gmail.com Hotline : 0905.76.42.36 - 0905.55.73.78 Web: stest.vn



**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
(CALIBRATION CERTIFICATE)**

Số/No : ST-1147

**KÍCH THỦY LỰC/  
HYDRAULIC JACK**

Tên đối tượng :  
Object

Nơi sản xuất : Trung Quốc/ China  
Manufacturer

Kiểu : N/A Số hiệu : 28 Mã thiết bị : N/A  
Type Serial No. ID

Đặc trưng kỹ thuật : \* Khả năng tạo lực danh nghĩa/ Nominal capacity: 320 kN  
Specifications \* Bộ chỉ thị/ Indicator : - Phạm vi đo/ Measuring range : 350 kg/cm<sup>2</sup>  
- Giá trị vạch chia/ Division : 10 kg/cm<sup>2</sup>  
- Số hiệu/ Serial No.: 4814533

Cơ sở sử dụng : **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG LIÊN HIỆP**  
Customer Số 162 Bình Giã, Phường Tam Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn : Số 162 Bình Giã, Phường Tam Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh  
Place of calibration

Phương pháp thực hiện/ Method of calibration : QTHC/STEST- LC.01

Chuẩn được sử dụng/ Standards used :

Mã TB/ ID	Miêu tả/ Description	Liên kết chuẩn/ Traceable	Hiệu lực/ Due. Date
TB-24	Chuẩn lực/ Force standard	VMI	07/2027

Môi trường hiệu chuẩn/ Calibration Environment : [25 ÷ 35] °C

Hiệu chỉnh/ Adjustment : Không/ No

Kết quả/ Results : Trang/ Page : 2/2

Số tem hiệu chuẩn/ Calibration stamp No. : ST-1147

Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration : 07 / 4 / 2026

Ngày hiệu chuẩn đề nghị : 07 / 4 / 2027

Recalibration date recommended

TP.HCM, ngày 08 tháng 4 năm 2026

Date of issue

**GIÁM ĐỐC**

Director

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

Head of Measurement Laboratory

**Phạm Tấn Liêu**



**Lê Thị Phương Nhung**

Trang : 1/2  
N<sup>o</sup> of page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Hiệu Chuẩn Miền Nam.

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Stest)

**KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN  
(CALIBRATION RESULTS)**

Số/No : ST-1147



Giá trị trên phương tiện đo/ <i>Value on measuring equipments</i> (kg/cm <sup>2</sup> )	Giá trị trung bình trên phương tiện chuẩn/ <i>Average value on references</i> (kN)	Độ KĐBĐ mở rộng/ <i>Expanded uncertainty</i> (k = 2; P = 95%) (%)
0	0,000	-
50	12,550	4,3
100	26,410	3,3
150	39,794	3,4
200	56,092	3,2
250	68,926	3,1
300	84,448	3,1

Phương trình hiệu chuẩn/ *Calibration equation* :  $y = 0,2876x - 2,2971$

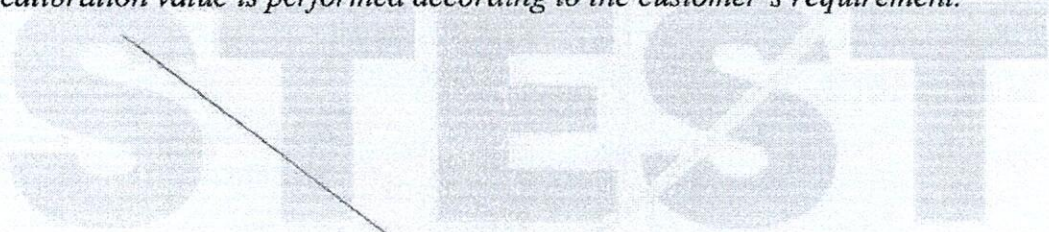
**Ghi chú/ Notes :**

+ y : giá trị tính toán/ *Calculated value*, (kN)

+ x : giá trị trên phương tiện đo/ *Value on measuring equipments*, (kg/cm<sup>2</sup>)

+ Giá trị hiệu chuẩn được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng.

*The calibration value is performed according to the customer's requirement.*



1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

Trang : 2/2  
N<sup>o</sup> of page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Hiệu Chuẩn Miền Nam.  
*(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Stesti)*

**STEST**® **CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN MIỀN NAM (ĐK 513)****SOUTH VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (STEST)**

56/11 Tân Thới Nhất 1B, KP. 5, P. Tân Thới Nhất, Q. 12, TP. Hồ Chí Minh

Mail: dichvukhoahoc.stest@gmail.com

Hotline : 0905.76.42.36 - 0905.55.77.38



**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
(CALIBRATION CERTIFICATE)**

Số/ No : ST-1148

Tên đối tượng :  
Object**KÍCH THỦY LỰC/  
HYDRAULIC JACK**

Nơi sản xuất : Trung Quốc/ China

Manufacturer

Kiểu : N/A  
TypeSố hiệu :  
Serial No.

150417

Mã thiết bị :  
ID

N/A

Đặc trưng kỹ thuật :  
Specifications

- \* Khả năng tạo lực danh nghĩa/ Nominal capacity: 200 kN
- \* Bộ chỉ thị/ Indicator : - Phạm vi đo/ Measuring range : 250 kg/cm<sup>2</sup>  
- Giá trị vạch chia/ Division : 10 kg/cm<sup>2</sup>  
- Số hiệu/ Serial No.: N/A

Cơ sở sử dụng :  
Customer**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG LIÊN HIỆP**

Số 162 Bình Giã, Phường Tam Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :  
Place of calibration

Số 162 Bình Giã, Phường Tam Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện/ Method of calibration : QTHC/STEST- LC.01

Chuẩn được sử dụng/ Standards used :

Mã TB/ ID	Miêu tả/ Description	Liên kết chuẩn/ Traceable	Hiệu lực/ Due. Date
TB-24	Chuẩn lực/ Force standard	VMI	07/2027

Môi trường hiệu chuẩn/ Calibration Environment : [25 ÷ 35] °C

Hiệu chỉnh/ Adjustment :

Không/ No

Kết quả/ Results :

Trang/ Page : 2/2

Số tem hiệu chuẩn/ Calibration stamp No. :

ST-1148

Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration :

07 / 4 / 2026

Ngày hiệu chuẩn đề nghị :

07 / 4 / 2027

Recalibration date recommended

TP.HCM, ngày 08 tháng 4 năm 2026

Date of issue

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

Head of Measurement Laboratory

**GIÁM ĐỐC**

Director

**Phạm Tấn Liêu****Lê Thị Phương Nhung**Trang : 1/2  
N<sup>o</sup> of page

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Hiệu Chuẩn Miền Nam.**

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Stest)

**KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN  
(CALIBRATION RESULTS)**

Số/ No : ST-1148



Giá trị trên phương tiện đo <i>Value on measuring equipments</i> (kg/cm <sup>2</sup> )	Giá trị trung bình trên phương tiện chuẩn/ <i>Average value on references</i> (kN)	Độ KĐBĐ mở rộng/ <i>Expanded uncertainty</i> (k = 2; P = 95%) (%)
0	0,000	-
50	11,419	4,3
75	17,471	3,9
100	23,556	3,7
125	29,554	3,7
150	35,511	3,6
175	41,443	3,6
200	47,523	3,6
225	53,758	3,6

Phương trình hiệu chuẩn/ *Calibration equation* :  $y = 0,2411x - 0,6182$

**Ghi chú/ Notes :**

+ y : giá trị tính toán/ *Calculated value*, (kN)

+ x : giá trị trên phương tiện đo/ *Value on measuring equipments*, (kg/cm<sup>2</sup>)

+ Giá trị hiệu chuẩn được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng.

*The calibration value is performed according to the customer's requirement.*

1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

Trang : 2/2  
N<sup>o</sup> of page

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Hiệu Chuẩn Miền Nam.**  
*(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Stest)*

**STEST**

® CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN MIỀN NAM (ĐK 513)

SOUTH VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (STEST)

56/11 Tân Thới Nhất 1B, KP. 5, P. Tân Thới Nhất, Q. 12, TP. Hồ Chí Minh

Mail: dichvukhoahoc.stest@gmail.com

Hotline : 0905.76.42.36 - 0905.55.73.38

Web: stest.vn



**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
(CALIBRATION CERTIFICATE)**

Số/ No : ST-1149

Tên đối tượng :

**CÀN BENKELMAN/**

Object

**BENKELMAN BEAM**

Nơi sản xuất : Việt Nam

Manufacturer

Kiểu : N/A

Type

Số hiệu :

Serial No.

N/A

Mã thiết bị :

ID

N/A

Đặc trưng kỹ thuật :

Specifications

\* Phạm vi đo/ Measuring range : (0 ÷ 10) mm

\* Giá trị vạch chia/ Division : 0,01 mm

Cơ sở sử dụng :

Customer

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG LIÊN HIỆP**

Số 162 Bình Giã, Phường Tam Thẳng, Thành phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :

Place of calibration

Số 162 Bình Giã, Phường Tam Thẳng, Thành phố Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện/ Method of calibration : QTHC/STEST-ĐD.04

Chuẩn được sử dụng/ Standards used :

Mã TB/ ID	Miêu tả/ Description	Liên kết chuẩn/ Traceable	Hiệu lực/ Due. Date
TB-33	Chuẩn độ dài/ Length standard	Quatest 3	01/2028

Môi trường hiệu chuẩn/ Calibration environment : [25 ± 5] °C [50 ± 20] % RH

Hiệu chỉnh/ Adjustment :

Không/ No

Kết quả/ Results :

Trang/ Page : 2/2

Số tem hiệu chuẩn/ Calibration stamp No.:

ST-1149

Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration :

07 / 4 / 2026

Ngày hiệu chuẩn đề nghị :

07 / 4 / 2027

Recalibration recommended

TP.HCM, ngày 08 tháng 4 năm 2026

Date of issue

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

Head of Measurement Laboratory

**GIÁM ĐỐC**

Director

**Phạm Tấn Liêu****Lê Thị Phương Nhung**Trang : 1/2  
N<sup>o</sup> of page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Hiệu Chuẩn Miền Nam.  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Stest)

**KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN  
(CALIBRATION RESULTS)**

Số/No : ST-1149



STT Item	Giá trị chuẩn/ Reference value (mm)	Giá trị đọc trung bình trên phương tiện đo/ Average reading value on measuring equipments (mm)	Sai số/ Error (mm)	Độ KĐBĐ mở rộng/ Expanded uncertainty (k = 2; P = 95%) (mm)
1	1,000	0,52	0,04	0,01
2	2,000	1,02	0,04	0,00
3	3,000	1,52	0,04	0,01
4	4,000	2,01	0,02	0,01
5	5,000	2,52	0,04	0,01

**STEST**

1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

Trang : 2/2  
N<sup>o</sup> of page

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Hiệu Chuẩn Miền Nam.**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Stest)

**STEST**

® CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN MIỀN NAM (DK 513)

SOUTH VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (STEST)

56/11 Tân Thới Nhất 1B, KP. 5, P. Tân Thới Nhất, Q. 12, TP. Hồ Chí Minh

Mail: dichvukhoahoc.stest@gmail.com Hotline : 0905.76.42.36 - 0905.55.77.38

Web: stest.vn

**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
(CALIBRATION CERTIFICATE)**

Số/No : ST-1150

Tên đối tượng :

**CÀN BENKELMAN/**

Object

**BENKELMAN BEAM**

Nơi sản xuất : Việt Nam

Manufacturer

Kiểu : N/A

Số hiệu :

N/A

Mã thiết bị :

N/A

Type

Serial No.

ID

Đặc trưng kỹ thuật :

\* Phạm vi đo/ Measuring range : (0 ÷ 10) mm

Specifications

\* Giá trị vạch chia/ Division : 0,01 mm

Cơ sở sử dụng :

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG LIÊN HIỆP**

Customer

Số 162 Bình Giã, Phường Tam Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :

Số 162 Bình Giã, Phường Tam Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh

Place of calibration

Phương pháp thực hiện/ Method of calibration : QTHC/STEST-ĐD.04

Chuẩn được sử dụng/ Standards used :

Mã TB/ ID	Miêu tả/ Description	Liên kết chuẩn/ Traceable	Hiệu lực/ Due. Date
TB-33	Chuẩn độ dài/ Length standard	Quatest 3	01/2028

Môi trường hiệu chuẩn/ Calibration environment :

[25 ± 5] °C [50 ± 20] % RH

Hiệu chỉnh/ Adjustment :

Không/ No

Kết quả/ Results :

Trang/ Page : 2/2

Số tem hiệu chuẩn/ Calibration stamp No.:

ST-1150

Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration :

07 / 4 / 2026

Ngày hiệu chuẩn đề nghị :

07 / 4 / 2027

Recalibration recommended

TP.HCM, ngày 08 tháng 4 năm 2026

Date of issue

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

Head of Measurement Laboratory

**GIÁM ĐỐC**

Director

*bu*

**Phạm Tấn Liêu**



**Lê Thị Phương Nhung**

Trang : 1/2  
N<sup>o</sup> of page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Hiệu Chuẩn Miền Nam.

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Stest)

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN  
(CALIBRATION RESULTS)

Số/No : ST-1150



STT Item	Giá trị chuẩn/ Reference value (mm)	Giá trị đọc trung bình trên phương tiện đo/ Average reading value on measuring equipments (mm)	Sai số/ Error (mm)	Độ KĐBĐ mở rộng/ Expanded uncertainty (k = 2; P = 95%) (mm)
1	1,000	0,51	0,02	0,01
2	2,000	0,99	-0,02	0,00
3	3,000	1,49	-0,02	0,01
4	4,000	2,01	0,02	0,00
5	5,000	2,49	-0,02	0,01

STEST

1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

Trang : 2/2  
N.<sup>o</sup> of page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Hiệu Chuẩn Miền Nam.  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Stest)

**STEST**

® CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN MIỀN NAM (DK 513)

SOUTH VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (STEST)

56/11 Tân Thới Nhất 1B, KP. 5, P. Tân Thới Nhất, Q. 12, TP. Hồ Chí Minh

Mail: dichvukhoahoc.stest@gmail.com Hotline : 0905.76.42.36 - 0905.55.77.38



**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
(CALIBRATION CERTIFICATE)**

Số/ No : ST-1151

**ĐỒNG HỒ SO/  
DIAL INDICATOR**

Tên đối tượng :  
Object

Nơi sản xuất : Trung Quốc/ China  
Manufacturer

Kiểu : N/A Số hiệu : 50705791 Mã thiết bị : N/A  
Type Serial No. ID

Đặc trưng kỹ thuật : \* Phạm vi đo/ Measuring range : (0 ÷ 10) mm  
Specifications \* Giá trị vạch chia/ Division : 0,01 mm

Cơ sở sử dụng : **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG LIÊN HIỆP**  
Customer Số 162 Bình Giã, Phường Tam Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn : Số 162 Bình Giã, Phường Tam Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh  
Place of calibration

Phương pháp thực hiện/ Method of calibration : QTHC/STEST-DD.01

Chuẩn được sử dụng/ Standards used :

Mã TB/ ID	Miêu tả/ Description	Liên kết chuẩn/ Traceable	Hiệu lực/ Due. Date
TB-05	Chuẩn độ dài/ Length standard	Quatest 3	12/2026

Môi trường hiệu chuẩn/ Calibration environment : [23 ± 5] °C [50 ± 20] % RH

Hiệu chỉnh/ Adjustment : Không/ No

Kết quả/ Results : Trang/ Page : 2/2

Số tem hiệu chuẩn/ Calibration stamp No.: ST-1151

Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration : 07 / 4 / 2026

Ngày hiệu chuẩn đề nghị : 07 / 4 / 2027

Recalibration recommended

TP.HCM, ngày 08 tháng 4 năm 2026

Date of issue

**TRƯỜNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

Head of Measurement Laboratory

**GIÁM ĐỐC**

Director

*Signature*

**Phạm Tấn Liâu**



*Signature*

**Lê Thị Phương Nhung**

Trang : 1/2  
N<sup>o</sup> of page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Hiệu Chuẩn Miền Nam.  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Stest)

**KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN  
(CALIBRATION RESULTS)**

Số/ No : ST-1151



STT Item	Giá trị đọc trên phương tiện đo/ Reading value on measuring equipment (mm)	Giá trị đọc trung bình trên phương tiện chuẩn/ Average reading value on references (mm)	Sai số/ Error ( $\mu\text{m}$ )	Độ KĐBD mở rộng/ Expanded uncertainty ( $k = 2; P = 95\%$ ) ( $\mu\text{m}$ )
1	1,00	0,994	6	7,1
2	2,00	1,992	8	7,3
3	3,00	2,993	7	7,2
4	4,00	3,991	9	7,2
5	5,00	4,992	8	7,7
6	6,00	5,992	8	7,4
7	7,00	6,991	9	7,7
8	8,00	7,994	6	7,3
9	9,00	8,993	7	7,1
10	10,00	9,993	7	7,1

**STEST**

1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

Trang : 2/2  
N<sup>o</sup> of page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Hiệu Chuẩn Miền Nam.  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Stest)

**STEST****CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN MIỀN NAM (DK 513)****SOUTH VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (STEST)**

56/11 Tân Thới Nhất 1B, KP. 5, P. Tân Thới Nhất, Q. 12, TP. Hồ Chí Minh

Mail: dichvukhoahoc.stest@gmail.com Hotline : 0905.76.42.36 - 0905.55.77.18



**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
(CALIBRATION CERTIFICATE)**

Số/ No : ST-1152

**ĐỒNG HỒ SO/****DIAL INDICATOR**

Tên đối tượng :

Object

Nơi sản xuất : Mitutoyo

Manufacturer

Kiểu : 2046-08

Type

Số hiệu : N/A

Serial No.

Mã thiết bị : N/A

ID

Đặc trưng kỹ thuật :

Specifications

\* Phạm vi đo/ Measuring range : (0 ÷ 10) mm

\* Giá trị vạch chia/ Division : 0,01 mm

Cơ sở sử dụng :

Customer

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG LIÊN HIỆP**

Số 162 Bình Giã, Phường Tam Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :

Place of calibration

Số 162 Bình Giã, Phường Tam Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện/ Method of calibration : QTHC/STEST-DD.01

Chuẩn được sử dụng/ Standards used :

Mã TB/ ID	Miêu tả/ Description	Liên kết chuẩn/ Traceable	Hiệu lực/ Due. Date
TB-05	Chuẩn độ dài/ Length standard	Quatest 3	12/2026

Môi trường hiệu chuẩn/ Calibration environment : [23 ± 5] °C [50 ± 20] % RH

Hiệu chỉnh/ Adjustment :

Không/ No

Kết quả/ Results :

Trang/ Page : 2/2

Số tem hiệu chuẩn/ Calibration stamp No.:

ST-1152

Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration :

07 / 4 / 2026

Ngày hiệu chuẩn đề nghị :

07 / 4 / 2027

Recalibration recommended

TP.HCM, ngày 08 tháng 4 năm 2026

Date of issue

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

Head of Measurement Laboratory

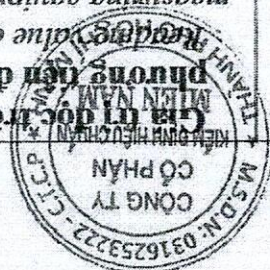
**GIÁM ĐỐC**

Director

**Phạm Tấn Liêu****Lê Thị Phương Nhung**Trang : 1/2  
N.º of page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Hiệu Chuẩn Miền Nam.  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Stest)

**KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN**  
(CALIBRATION RESULTS)  
Số/No : ST-1152



STT	Item	Giá trị đọc trên trên phương tiện đo/ measuring equipment value on	Giá trị đọc trung bình trên phương tiện chuẩn/ Average reading value on references	Sai số/ Error	Bộ KBBĐ mở rộng/ Expanded uncertainty (k = 2; P = 95%)
		(mm)	(mm)	(µm)	(µm)
1		1,00	0,994	6	7,7
2		2,00	1,996	4	7,9
3		3,00	2,995	5	7,7
4		4,00	3,995	5	7,7
5		5,00	4,995	5	7,9
6		6,00	5,994	6	7,6
7		7,00	6,996	4	7,9
8		8,00	7,995	5	7,0
9		9,00	8,994	6	7,1
10		10,00	9,995	5	7,1

1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám sát pháp và trong các hoạt động công vụ khác.  
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

**STEST**

® CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN MIỀN NAM (HK 513)

SOUTH VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (STEST)

56/11 Tân Thới Nhất 1B, KP. 5, P. Tân Thới Nhất, Q. 12, TP. Hồ Chí Minh

Mail: dichvukhoahoc.stest@gmail.com Hotline : 0905.76.42.36 - 0905.55.77.38 Web: stest.vn



**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
(CALIBRATION CERTIFICATE)**

Số/No : ST-1153

Tên đối tượng : **MÁY THỬ MÀI MÒN LOS ANGELES/**  
Object **LOS ANGELES ABRASION TESTING MACHINE**

Nơi sản xuất : Trung Quốc/ China

Manufacturer

Kiểu : MH-II Số hiệu : N/A Mã thiết bị : N/A  
Type Serial No. ID

Đặc trưng kỹ thuật : \* Phạm vi đo/ Measuring range : (30 ÷ 33) rpm  
Specifications \* Giá trị vạch chia/ Division : 1 rpm

Cơ sở sử dụng : **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG LIÊN HIỆP**  
Customer Số 162 Bình Giã, Phường Tam Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn : Số 162 Bình Giã, Phường Tam Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh  
Place of calibration

Phương pháp thực hiện/ Method of calibration : QTHC/STEST-TS.01

Chuẩn được sử dụng/ Standards used :

Mã TB/ ID	Miêu tả/ Description	Liên kết chuẩn/ Traceable	Hiệu lực/ Due. Date
TB-49	Chuẩn tần số/ Frequency standard	Quatest 3	12/2026

Môi trường hiệu chuẩn/ Calibration environment : [25 ± 5] °C [40 ÷ 70] %RH

Hiệu chỉnh/ Adjustment : Không/ No

Kết quả/ Results : Trang/ Page : 2/2

Số tem hiệu chuẩn/ Calibration stamp No. : ST-1153

Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration : 07 / 4 / 2026

Ngày hiệu chuẩn đề nghị : 07 / 4 / 2027

Recalibration recommended

TP.HCM, ngày 08 tháng 4 năm 2026

Date of issue

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

Head of Measurement Laboratory

**GIÁM ĐỐC**

Director

**Phạm Tấn Liêu**



**Lê Thị Phương Nhung**

Trang : 1/2  
N.º of page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Hiệu Chuẩn Miền Nam.

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Stest)

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN  
(CALIBRATION RESULTS)

Số/No : ST-1153



Giá trị đặt/ Set value (rpm)	Giá trị đọc trung bình trên phương tiện đo/ Average reading value on measuring equipments (rpm)	Giá trị đọc trung bình trên phương tiện chuẩn/ Average reading value on references (rpm)	Sai số/ Error (rpm)	Độ KĐBĐ mở rộng/ Expanded uncertainty (k = 2; P = 95%) (rpm)
(30 - 33)	32	32,68	-1	0,66

STEST®

1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

Trang : 2/2  
N<sup>o</sup> of page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Hiệu Chuẩn Miền Nam.

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Stest)

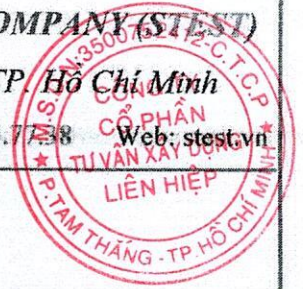
**STEST**

® CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN MIỀN NAM (ĐK 513)

SOUTH VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (STEST)

56/11 Tân Thới Nhất 1B, KP. 5, P. Tân Thới Nhất, Q. 12, TP. Hồ Chí Minh

Mail: dichvukhoahoc.stest@gmail.com Hotline : 0905.76.42.36 - 0905.55.77.88



**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
(CALIBRATION CERTIFICATE)**

Số/No : ST-1154

Tên đối tượng :

**THIẾT BỊ THỬ ĐỘ BẮT LỬA/**

Object

**FLASH POINT TESTER**

Nơi sản xuất : Trung Quốc/ China

Manufacturer

Kiểu : SYD-3536

Số hiệu :

N/A

Mã thiết bị :

N/A

Type

Serial No.

ID

Đặc trưng kỹ thuật :

\* Phạm vi nhiệt độ/ Temperature range :

Specifications

Nhiệt độ môi trường/ Temperature ambient đến/ to 400 °C

\* Độ phân giải/ Resolution : 2 °C

Cơ sở sử dụng :

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG LIÊN HIỆP**

Customer

Số 162 Bình Giã, Phường Tam Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :

Số 162 Bình Giã, Phường Tam Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh

Place of Calibration

Phương pháp thực hiện/ Method of calibration : QTHC/STEST-ND.05

Chuẩn được sử dụng/ Standards used :

Mã TB/ ID	Miêu tả/ Description	Liên kết chuẩn/ Traceable	Hiệu lực/ Due. Date
TB-06	Chuẩn nhiệt độ/ Temperature standard	Quatest 3	02/2027

Môi trường hiệu chuẩn/ Calibration environment : [25 ± 5] °C [50 ± 20] %RH

Hiệu chỉnh/ Adjustment :

Không/ No

Kết quả/ Results :

Trang/ Page : 2/2

Số tem hiệu chuẩn/ Calibration stamp No. :

ST-1154

Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration :

07 / 4 / 2026

Ngày hiệu chuẩn đề nghị :

07 / 4 / 2027

Recalibration date recommended

TP.HCM, ngày 08 tháng 4 năm 2026

Date of issue

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

Head of Measurement Laboratory

**GIÁM ĐỐC**

Director

*bu*

**Phạm Tấn Liêu**



**Lê Thị Phương Nhung**

Trang : 1/2  
N<sup>o</sup> of page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty Cổ phần Kiểm định Hiệu chuẩn Miền Nam.

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Stest)

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN  
(CALIBRATION RESULTS)

Số/No : ST-1154



Giá trị đọc trung bình trên phương tiện đo/ <i>Average reading value on measuring equipments</i> (°C)	Giá trị đọc trung bình trên phương tiện chuẩn/ <i>Average reading value on references</i> (°C)	Sai số/ <i>Error</i> (°C)	Độ KĐBĐ mở rộng/ <i>Expanded uncertainty</i> (k = 2; P = 95%) (°C)
100	101,2	-1,2	1,4
200	201,4	-1,4	1,6

Ghi chú/ Notes :

Điểm nhiệt độ hiệu chuẩn được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng.

*The calibration point of temperature is performed according to the customer's requirement.*

STEST

1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

Trang : 2/2  
N.<sup>o</sup> of page

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Hiệu Chuẩn Miền Nam.**

*(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Stest)*

**STEST**

® CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN MIỀN NAM (ĐK 513)

SOUTH VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (STEST)

56/11 Tân Thới Nhất 1B, KP. 5, P. Tân Thới Nhất, Q. 12, TP. Hồ Chí Minh

Mail: dichvukhoahoc.stest@gmail.com Hotline : 0905.76.42.36 - 0905.55.77.38



**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
(CALIBRATION CERTIFICATE)**

Số/No : ST-1155

Tên đối tượng : **ĐẦU ĐO CHUYỂN VỊ ĐIỆN TỬ/ LINEAR DISPLACEMENT SENSOR**  
Object (THIẾT BỊ KIM LÚN/ PENETROMETER)

Nơi sản xuất : Trung Quốc/ China

Manufacturer

Kiểu : LZD-2 Số hiệu : 14 Mã thiết bị : N/A  
Type Serial No. ID

Đặc trưng kỹ thuật : \* Phạm vi đo/ Measuring range : (0 ÷ 50) mm  
Specifications \* Độ phân giải/ Resolution : 0,1 mm

Cơ sở sử dụng : **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG LIÊN HIỆP**  
Customer Số 162 Bình Giã, Phường Tam Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn : Số 162 Bình Giã, Phường Tam Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh  
Place of calibration

Phương pháp thực hiện/ Method of calibration : QTHC/STEST-ĐD.02

Chuẩn được sử dụng/ Standards used :

Mã TB/ ID	Miêu tả/ Description	Liên kết chuẩn/ Traceable	Hiệu lực/ Due. Date
TB-33	Chuẩn độ dài/ Length standard	Quatest 3	01/2028

Môi trường hiệu chuẩn/ Calibration environment : [23 ± 5] °C [50 ± 20] % RH

Hiệu chỉnh/ Adjustment : Không/ No

Kết quả/ Results : Trang/ Page : 2/2

Số tem hiệu chuẩn/ Calibration stamp No. : ST-1155

Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration : 07 / 4 / 2026

Ngày hiệu chuẩn đề nghị : 07 / 4 / 2027

Recalibration recommended

TP.HCM, ngày 08 tháng 4 năm 2026

Date of issue

**GIÁM ĐỐC**

Director

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

Head of Measurement Laboratory

**Phạm Tấn Liêu**



**Lê Thị Phương Nhung**

Trang : 1/2  
N.º of page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Hiệu Chuẩn Miền Nam.

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Stest)

**KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN  
(CALIBRATION RESULTS)**

Số/No : ST-1155



<b>Giá trị chuẩn/ Reference value</b> (mm)	<b>Giá trị đọc trung bình trên phương tiện đo/ Average reading value on measuring equipments</b> (mm)	<b>Sai số/ Error</b> (%)	<b>Độ KĐBĐ mở rộng/ Expanded uncertainty (k = 2; P = 95%)</b> (mm)
0,000	0,0	-	-
2,000	2,1	3,50	0,09
5,000	5,1	1,40	0,09
10,000	10,1	0,70	0,09
20,000	20,3	1,50	0,06
10,000	10,1	0,70	0,09
5,000	5,0	0,80	0,09
2,000	2,0	2,00	0,09
0,000	0,0	-	-

**STEST**

1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

Trang : 2/2  
N.<sup>o</sup> of page

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Hiệu Chuẩn Miền Nam.**  
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Stest)

**STEST**

© CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN MIỀN NAM (ĐK 513)

SOUTH VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (STEST)

56/11 Tân Thới Nhất 1B, KP. 5, P. Tân Thới Nhất, Q. 12, TP. Hồ Chí Minh

Mail: dichvukhoahoc.stest@gmail.com Hotline : 0905.76.42.36 - 0905.55.77.38

Web: stest.vn



**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
(CALIBRATION CERTIFICATE)**

Số/No : ST-1156

Tên đối tượng :

**THIẾT BỊ THỬ ĐỘ GIẢN DÀI/***Object***DUCTILITY TEST APPARATUS**

Nơi sản xuất : Trung Quốc/ China

*Manufacturer*

Kiểu : N/A

Số hiệu :

090610

Mã thiết bị :

N/A

*Type**Serial No.**ID*

Đặc trưng kỹ thuật :

*Specifications*\* Nhiệt độ làm việc/ *Working temperature* : 25 °C\* Độ phân giải/ *Resolution* : 0,1 °C\* Phạm vi đo độ dài/ *Length measuring range* : (0 ÷ 1 500) mm\* Giá trị vạch chia/ *Division* : 1 mm

Cơ sở sử dụng :

*Customer***CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG LIÊN HIỆP**

Số 162 Bình Giã, Phường Tam Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn :

*Place of Calibration*

Số 162 Bình Giã, Phường Tam Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh

Phương pháp thực hiện/ *Method of calibration* : QTHC/STEST-NĐ.07Chuẩn được sử dụng/ *Standards used* :

Mã TB/ ID	Miêu tả/ Description	Liên kết chuẩn/ Traceable	Hiệu lực/ Due. Date
TB-06	Chuẩn nhiệt độ/ <i>Temperature standard</i>	Quatest 3	02/2027
TB-18	Chuẩn độ dài/ <i>Length standard</i>	Smeq	04/2026

Môi trường hiệu chuẩn/ *Calibration environment* : [25 ± 5] °C [50 ± 20] %RHHiệu chỉnh/ *Adjustment* :Không/ *No*Kết quả/ *Results* :Trang/ *Page* : 2/2Số tem hiệu chuẩn/ *Calibration stamp No.* :

ST-1156

Ngày hiệu chuẩn/ *Date of calibration* :

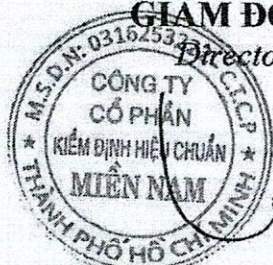
07 / 4 / 2026

Ngày hiệu chuẩn đề nghị :

07 / 4 / 2027

*Recalibration date recommended*

TP.HCM, ngày 08 tháng 4 năm 2026

*Date of issue***TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG***Head of Measurement Laboratory***GIÁM ĐỐC***Director*
**Phạm Tấn Liêu****Lê Thị Phương Nhung**Trang : 1/2  
*N.º of page*

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Hiệu Chuẩn Miền Nam.**

*(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Stest)*

**KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN  
(CALIBRATION RESULTS)**

Số/ No : ST-1156



**1. Hiệu chuẩn nhiệt độ/ Temperature calibration:**

<b>Giá trị đọc trung bình trên phương tiện đo/ Average reading value on measuring equipments (°C)</b>	<b>Giá trị đọc trung bình trên phương tiện chuẩn/ Average reading value on references (°C)</b>	<b>Sai số/ Error (°C)</b>	<b>Độ KĐBĐ mở rộng/ Expanded uncertainty (k = 2; P = 95%) (°C)</b>
25	25,8	-0,8	1,1

**2. Hiệu chuẩn độ dài/ Length calibration:**

<b>Vị trí đo/ Measuring position (mm)</b>	<b>Giá trị trung bình trên phương tiện chuẩn/ Average value on reference (mm)</b>	<b>Sai số/ Error (mm)</b>	<b>Độ KĐBĐ mở rộng/ Expanded uncertainty (k = 2; P = 95%) (mm)</b>
100	100,0	0	0,26
200	200,0	0	0,26
300	300,0	0	0,27
400	400,0	0	0,27
500	500,0	0	0,28
600	600,0	0	0,29
700	700,0	0	0,30
800	800,0	0	0,32
900	900,0	0	0,33
1000	1000,0	0	0,34

**Ghi chú/ Notes**

Giá trị hiệu chuẩn được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng.

*The calibration value is performed according to the customer's requirement.*

1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.

2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

Trang : 2/2  
N<sup>o</sup> of page

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Hiệu Chuẩn Miền Nam.**  
*(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Stest)*

**STEST**

® CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH HIỆU CHUẨN MIỀN NAM (ĐK 513)

SOUTH VERIFICATION CALIBRATION JOINT STOCK COMPANY (STEST)

56/11 Tân Thới Nhất 1B, KP. 5, P. Tân Thới Nhất, Q. 12, TP. Hồ Chí Minh

Mail: dichvukhoahoc.stest@gmail.com Hotline : 0905.76.42.36 - 0905.55.77.38



**GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN  
(CALIBRATION CERTIFICATE)**

Số/No : ST-1157

Tên đối tượng : **TỦ NHIỆT/ THERMAL CHAMBER**  
Object (TỦ SẤY/ DRYING OVEN)

Nơi sản xuất : Trung Quốc/ China  
Manufacturer

Kiểu : 101-2B Số hiệu : 0822164 Mã thiết bị : N/A  
Type Serial No. ID

Đặc trưng kỹ thuật : \* Phạm vi đo/ Range : Nhiệt độ môi trường + 10 °C đến 300 °C  
Specifications From + 10 °C above ambient to 300 °C

\* Độ phân giải/ Resolution : 1 °C

Cơ sở sử dụng : **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG LIÊN HIỆP**  
Customer Số 162 Bình Giã, Phường Tam Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh

Nơi hiệu chuẩn : Số 162 Bình Giã, Phường Tam Thắng, Thành phố Hồ Chí Minh  
Place of Calibration

Phương pháp thực hiện/ Method of calibration : QTHC/STEST-NĐ.02

Chuẩn được sử dụng/ Standards used :

Mã TB/ ID	Miêu tả/ Description	Liên kết chuẩn/ Traceable	Hiệu lực/ Due. Date
TB-06	Chuẩn nhiệt độ/ Temperature standard	Quatest 3	02/2027

Môi trường hiệu chuẩn/ Calibration environment : [25 ± 5] °C [50 ± 20] %RH

Hiệu chỉnh/ Adjustment : Không/ No

Kết quả/ Results : Trang/ Page : 2/2

Số tem hiệu chuẩn/ Calibration stamp No. : ST-1157

Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration : 07 / 4 / 2026

Ngày hiệu chuẩn đề nghị : 07 / 4 / 2027

Recalibration date recommended

TP.HCM, ngày 08 tháng 4 năm 2026

Date of issue

**GIÁM ĐỐC**

**TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG**

Head of Measurement Laboratory



**Phạm Tấn Liêu**

**Lê Thị Phương Nhung**

Trang : 1/2  
N.º of page

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Hiệu Chuẩn Miền Nam.

(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Stest)

**KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN  
(CALIBRATION RESULTS)**

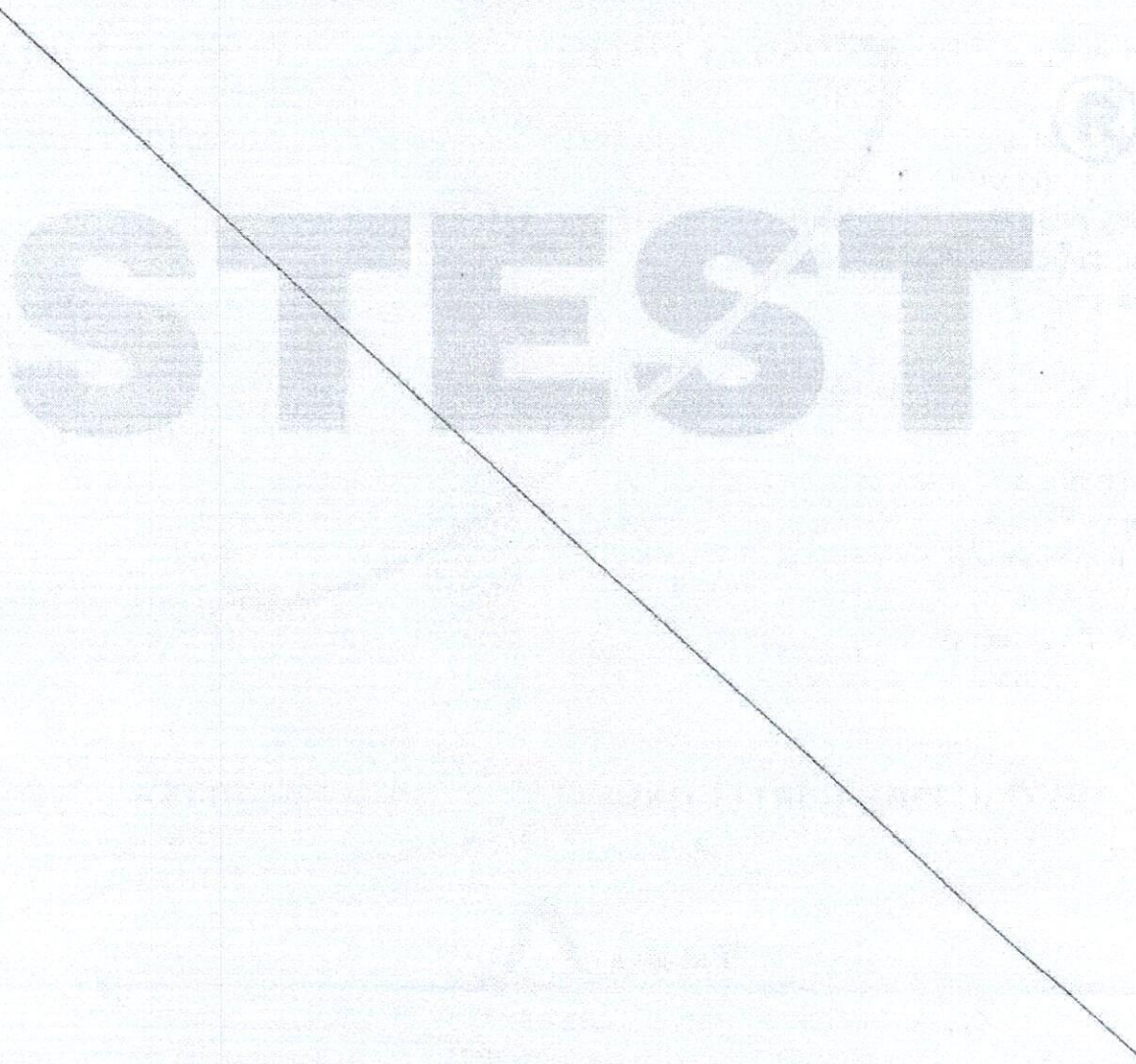
Số/No : ST-1157



Giá trị trung bình trên phương tiện đo/ <i>Average value on measuring equipments</i>	Giá trị trung bình trên phương tiện chuẩn/ <i>Average value on references</i>	Số hiệu chính/ <i>Correction</i>	Độ ổn định/ <i>Stability</i>	Độ đồng đều/ <i>Uniformity</i>	Độ KĐBĐ mở rộng/ <i>Expanded uncertainty</i> (k = 2; P = 95%)
(°C)	(°C)	(°C)	(°C)	(°C)	(°C)
105	106,9	1,9	3,1	3,6	5,6
160	166,1	6,1	4,3	9,1	11,8

**Ghi chú/ Notes**

Điểm nhiệt độ hiệu chuẩn được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng.  
*The calibration point of temperature is performed according to the customer's requirement.*



1. Phương tiện đo này không được sử dụng để định lượng hàng hoá, dịch vụ trong mua bán, thanh toán, bảo đảm an toàn, bảo vệ sức khoẻ cộng đồng, bảo vệ môi trường, trong thanh tra, kiểm tra, giám định tư pháp và trong các hoạt động công vụ khác.
2. Phương tiện đo này không được sử dụng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

Trang : 2/2  
*N.<sup>o</sup> of page*

**Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công Ty Cổ Phần Kiểm Định Hiệu Chuẩn Miền Nam.**  
*(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Stest)*